

Báo cáo thường niên 2023

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT



www.tdtgroup.vn

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Thông tin khái quát	10
A2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
A3. Mô hình quản trị	16
A4. Ban lãnh đạo	20
A5. Phân tích SWOT	28
A6. Vị thế của Công ty trong ngành	30
A7. Các rủi ro	34

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2023

B1. Thông tin ngành	38
B2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	38
B3. Kết quả kinh doanh qua các năm	39
B4. Tổ chức và nhân sự	42
B5. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	43
B6. Tình hình tài chính	44
B7. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	46

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

E1. Hội đồng quản trị	66
E2. Ban kiểm soát	66
E3. Tăng trưởng quản trị công ty	69

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

F1. Chính sách người lao động	72
F2. Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	74

C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

C1. Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh	50
C2. Tình hình tài chính	52
C3. Định hướng phát triển trong tương lai	54

D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

D1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh TDT năm 2023	58
D2. Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra	58
D3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	59
D4. Hoạt động của HĐQT năm 2023	60
D5. Định hướng hoạt động năm 2024	62

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên;

Năm 2023 tiếp tục là 1 năm đầy biến động của thế giới. Trong khi những tác động của đại dịch Covid-19, 1 đại dịch vô tiền khoáng hậu trong lịch sử thế giới hiện đại còn chưa hoàn toàn lắng xuống, những hậu quả kéo dài khó đoán định của cuộc xung đột vũ trang Nga – Ukraine chưa nhìn thấy hồi kết, thì thế giới lại chứng kiến đòn tấn công đầy bất ngờ của Tổ chức hồi giáo Hezbollah vào lãnh thổ Israel từ ngày 8/10/2023. Và như 1 điều tất yếu, Israel – đất nước với 1 nền khoa học và quân sự tiên tiến – đã tiến hành trả đũa, giáng những đòn mạnh mẽ vào lực lượng Hezbollah và lãnh thổ Lebanon. Như 1 hành động ủng hộ người dân Lebanon và lực lượng Hezbollah, phong trào Houthi tại Yemen đã tiến hành 1 loạt các cuộc tấn công vào tàu thuyền thương mại lưu thông qua Biển Đỏ. Hậu quả là việc lưu thông qua tuyến đường vốn chiếm tới 50% lưu lượng của thị trường vận tải container toàn cầu bị đình trệ. Những gã khổng lồ trong ngành vận tải container như Maersk hay Hapag-Lloyd đã đình chỉ tàu của mình đi qua kênh đào Suez và Biển Đỏ, thay vào đó họ chọn con đường xa hơn nhưng an toàn hơn qua Mũi Hảo Vọng, và kết quả là cước vận tải biển tăng lên tới 150% với thời gian tàu chạy cũng dài hơn.

Trong bối cảnh đó, nền kinh tế thế giới vẫn có những điểm sáng trong năm 2023, đáng kể nhất là sự phục hồi của những nền kinh tế đầu tàu. Trong số các nền kinh tế lớn nhất thế giới, chỉ có Đức là có tỷ lệ tăng trưởng âm trong năm 2023 với -0.3%, còn lại Nhật đạt tỷ lệ tăng 1.9% (2022 là 0.6%), Trung Quốc đạt 5.2% (2022 là 3%) và đặc biệt là Mỹ - nền kinh tế số 1 thế giới đạt 3.1% (2022 là 1.6%) với sức mua được phục hồi mạnh mẽ, tỷ lệ lạm phát được giữ ổn định ở mức xung quanh 3%.

Mặc dù đã áp dụng các công cụ như giảm lãi suất để hỗ trợ các doanh nghiệp, đẩy mạnh đầu tư công mà đặc biệt là cơ sở hạ tầng như 1 bước chuẩn bị đón những làn sóng đầu tư mới... năm 2023 Việt Nam đạt tỷ lệ tăng trưởng 5.05%, giảm tương đối mạnh so với con số 8.02% của năm 2022. Kim ngạch xuất khẩu của

Việt Nam năm 2023 đạt 355.5 tỷ USD, giảm 4.4% so với 2022 như là 1 chỉ báo cho kết quả tăng trưởng của toàn nền kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những con số không tích cực như trên, chúng ta vẫn có những dấu hiệu rất tích cực tạo đà cho năm 2024 và những năm tiếp theo: Vốn FDI vào Việt Nam năm 2023 đạt 23.18 tỷ USD, tăng 3.5% so với năm 2022; Lạm phát cả năm được giữ ở mức 3.25%, thấp hơn mức 4.5% mà Quốc hội đề ra từ đầu năm; Ổn định chính trị và An toàn xã hội tiếp tục được giữ vững, tác động mạnh mẽ lên sự phục hồi của ngành du lịch với con số trên 12 triệu lượt khách quốc tế.

Với ngành dệt may nói riêng, có thể khẳng định 2023 là năm khó khăn nhất của ngành dệt may Việt Nam trong 40 năm trở lại đây. Sau 1 năm 2022 đầy ấn tượng với mức tăng trưởng 10% và tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 44 tỷ USD, năm 2023 ngành dệt may Việt Nam đã phải trải qua 1 năm đầy thử thách khi có tỷ lệ tăng trưởng - 9.2% và kim ngạch xuất khẩu giảm xuống còn 40.3 tỷ USD, quay về mức của năm 2021. Tuy nhiên, cũng có thể thấy đó cũng là 1 hệ quả tất yếu sau khi toàn ngành đạt con số tăng trưởng ấn tượng trong năm 2022 trong khi các yếu tố rủi ro của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là tại các thị trường chính như Mỹ và Châu Âu vẫn còn đó, chiến tranh tại các điểm nóng vẫn kéo dài và chưa có hồi kết, sức mua của người tiêu dùng chưa hoàn toàn cải thiện. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp nào tiếp tục trụ vững và duy trì được hoạt động trong những năm tiếp theo sẽ mang trong mình 1 nội lực và bản lĩnh của 1 người không bao giờ ngại khó khăn, luôn vươn mình đến chiến thắng, và TDT chính là 1 ví dụ như vậy: Doanh thu cả năm 2023 đạt 487 tỷ đồng (2022 đạt 405 tỷ, tăng 12%), LNST đạt 13 tỷ đồng, công ty đảm bảo việc làm liên tục cho hơn 2100 CBCNV với thu nhập ổn định, cải thiện chất lượng và hệ thống tổ chức sản xuất, đầu tư thiết bị mới theo hướng tự động hóa như máy cắt, máy bổ trụ áo polo shirt, máy bổ túi cho các sản phẩm quần, và quan trọng nhất là tiếp tục duy trì hợp tác theo chiều sâu với các khách hàng chiến lược như Sae-A, Yakjin,

Aurora, đảm bảo tính liên tục với lợi thế các đơn hàng, dòng hàng lặp lại hàng năm....

Bước sang năm 2024, những điểm mạnh của ngành dệt may Việt Nam vẫn còn đó như: Dân số đông (100 triệu người, đứng thứ 15 thế giới), tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động cao (68%), chất lượng hàng may mặc sản xuất tại Việt Nam những năm qua được đánh giá cao trên thị trường thế giới, nền chính trị an ninh tiếp tục được giữ ổn định, là điểm đến hàng đầu của khách hàng và các nhà đầu tư toàn cầu. Chỉ tính riêng 2 tháng đầu năm 2024, dệt may cả nước đã đạt con số ấn tượng là 5.2 tỷ USD, tăng 15% so với cùng kỳ 2023, tạo đà mạnh mẽ để tăng tốc trong 10 tháng còn lại của năm, và con số 44 tỷ USD kế hoạch của năm là hoàn toàn khả thi khi mà số lượng đơn hàng tăng mạnh từ cuối 2023 và đa số các nhà máy có quy mô đã ký kết các đơn hàng phủ kín năng lực đến hết quý 3, sớm hơn 1 quý so với những năm trước.

Trước những cơ hội và thách thức của nền kinh tế thế giới và Việt Nam trong thời gian tới, TDT quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng bền vững thông qua những giải pháp thiết thực như sau: Tiếp tục đầu tư nâng cao năng suất lao động, hạ chi phí lao động trên một sản phẩm. Đa dạng hóa nguồn vốn trong đó có nguồn vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài, để từ đó tăng thị phần của mảng kinh doanh FOB. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhân văn tạo điều kiện thu nhập và cơ hội phát triển cho mọi nhân viên. Mục tiêu lớn nhất của TDT là đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của các bên liên quan như đối tác, khách hàng, người lao động và lợi ích xã hội, 1 đích đến hoàn toàn có thể đạt được nếu có sự góp sức của đội ngũ lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, lòng tin của các quý cổ đông, quý khách hàng và đối tác trân quý. Ban lãnh đạo công ty cam kết luôn nỗ lực hết mình để giúp công ty liên tục tăng trưởng, tạo dựng vị thế và xây dựng uy tín trên thị trường Việt Nam và thế giới. Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị - những người đã

theo dõi và đồng hành cùng Công ty trong suốt tiến trình gây dựng và trưởng thành. Cùng nhau, chúng ta hãy tạo nên một tập thể đoàn kết, lớn mạnh, cầu tiến và luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Chủ tịch HĐQT

CHU THUYỀN

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

TDT không ngừng nỗ lực phấn đấu trở thành một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực cung ứng các sản phẩm may mặc thời trang xuất khẩu. Khẳng định thương hiệu và đẳng cấp quốc tế để trở thành đối tác trực tiếp của các thương hiệu thời trang uy tín của thế giới.



SỨ MỆNH

Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất mang lại sự hài lòng cho các đối tác, khách hàng. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn; tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên cho mọi thành viên của TDT. Hòa hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng; minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh và luôn thượng tôn pháp luật.



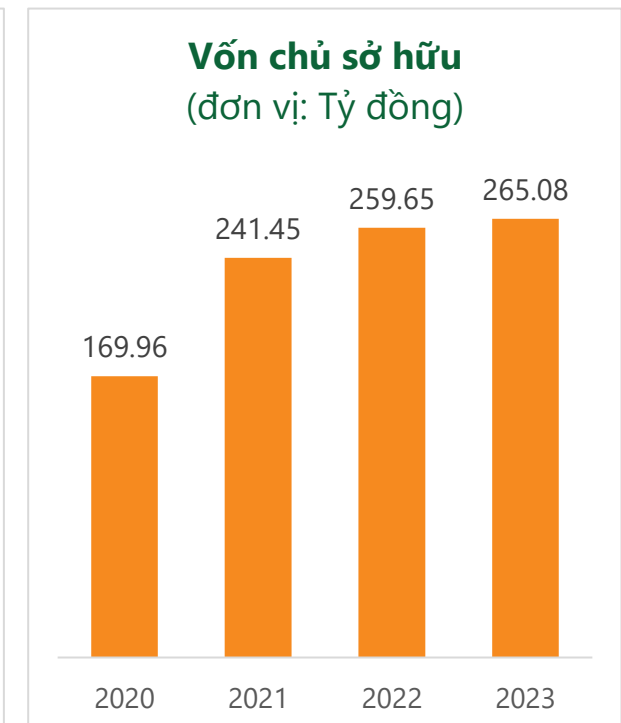
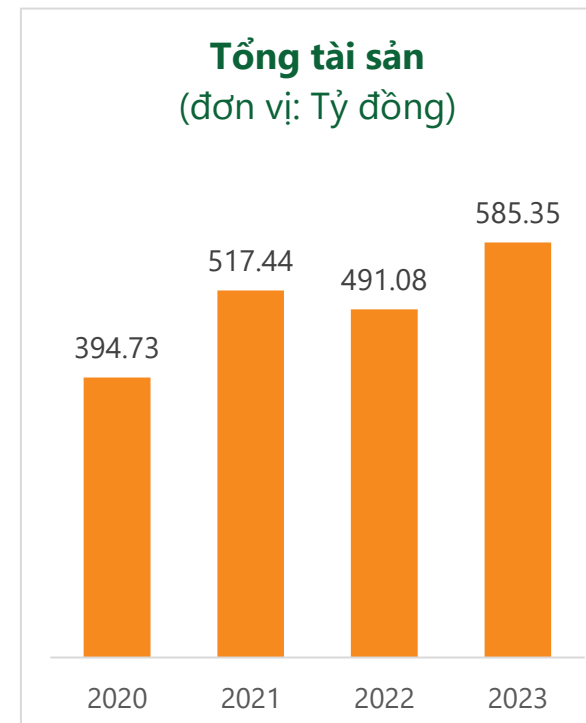
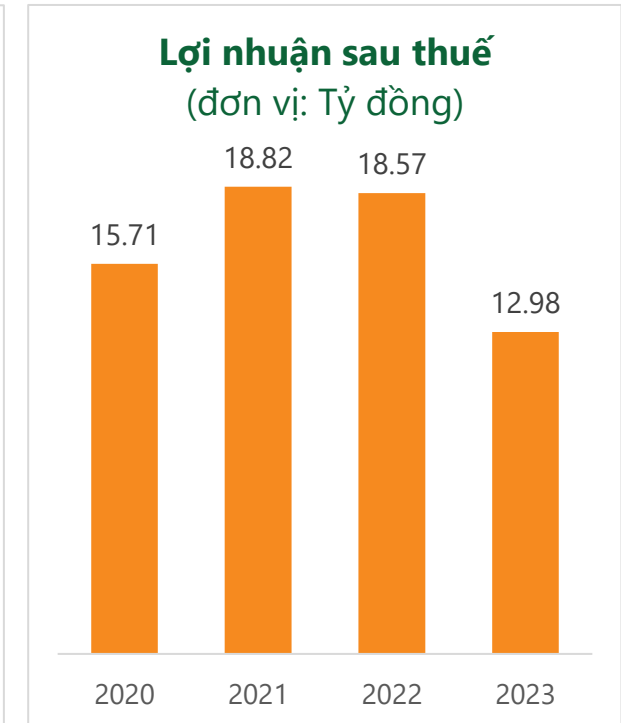
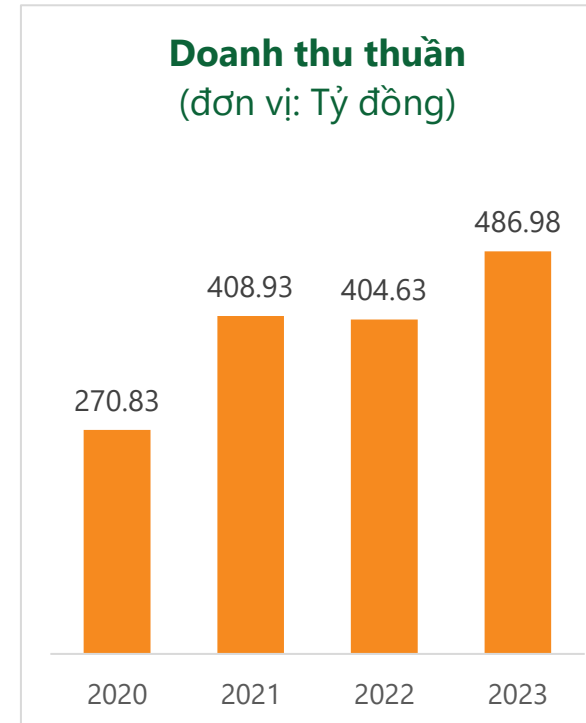
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

UY TÍN: Luôn chuẩn bị đầy đủ năng lực thực thi và nỗ lực hết mình để đảm bảo đúng cam kết.
ĐOÀN KẾT: Luôn đề cao tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên của TDT.
CHIA SẺ: Chia sẻ lợi ích hài hòa với các đối tác, cổ đông và người lao động.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021	2022	2023	2023/2022
Kết quả kinh doanh						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	270.83	408.93	404.63	486.98	20%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	195.02	319.90	302.97	373.42	23%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	75.81	89.03	101.66	113.56	12%
Chi phí bán hàng & QLDN	Tỷ đồng	53.40	61.31	73.14	76.08	4%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	16.93	19.66	19.17	16.96	-12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-5.49	-8.06	-9.35	-20.52	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	1.35	1.62	1.61	-1.10	-168%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18.28	21.28	20.78	15.86	-24%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15.71	18.82	18.57	12.98	-30%
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	394.73	517.44	491.08	585.35	19%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	169.96	241.45	259.65	265.08	2%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	139.46	213.37	238.97	238.97	0%
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	18.49%	9.15%	7.41%	4.95%	
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	4.27%	4.13%	3.68%	2.41%	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VND	1,261	1,275	820	543	
Cổ tức	%	20%	12%	12%	3-5%	

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT





A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Thông tin khái quát	10
A2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
A3. Mô hình quản trị	16
A4. Ban lãnh đạo	20
A5. Phân tích SWOT	28
A6. Vị thế của Công ty trong ngành	30
A7. Các rủi ro	34

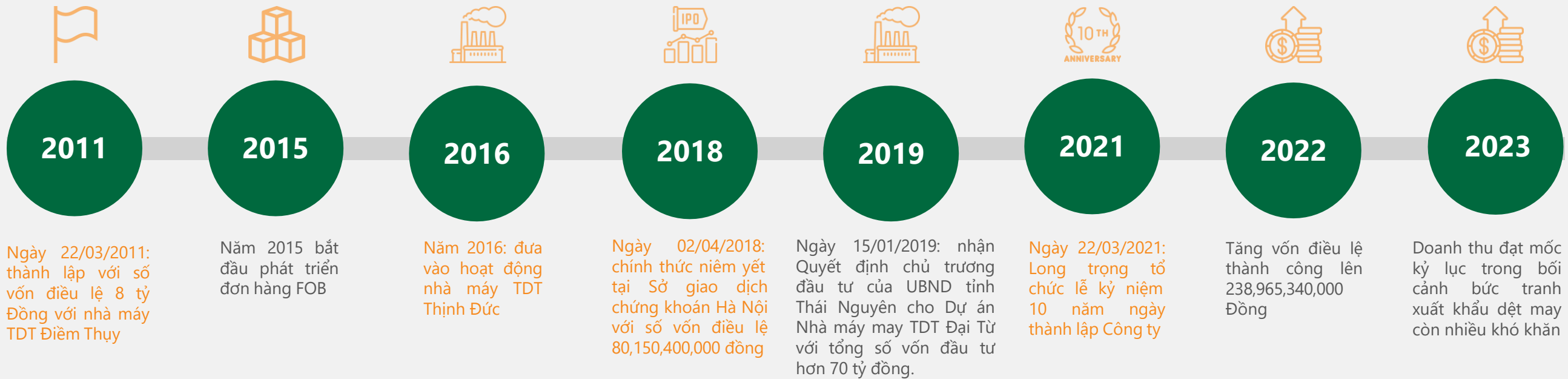
A1. THÔNG TIN CHUNG



Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT	Địa chỉ	Xã Diềm Thụy, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Giấy chứng nhận ĐKDN	4600941221	Số điện thoại	0208 656 7898
Vốn điều lệ	238,965,340,000 Đồng (tính đến 31/12/2023)	Số fax	0208 356 9898
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	265,080,810,007 Đồng (tính đến 31/12/2023)	Website	http://www.tdtgroup.vn
Mã cổ phiếu	TDT	Slogan	Đoàn kết & Phát triển

A1. THÔNG TIN CHUNG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



CÁC SỰ KIỆN, GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2023

Ngày 23-24/11/2023, công ty đã tổ chức chương trình thiện nguyện "Tiếp bước em đến trường".

Ngày 08/10/2023, công ty đã tổ chức giải chạy bộ vì cộng đồng UpRace và ủng hộ km chạy cho ASVHO mang ánh sáng đến cho người khuyết tật.



A2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

TDT là một thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, tổ chức xã hội – nghề nghiệp được thành lập năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng của các tổ chức, cá nhân của mọi thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, tiêu thụ, dịch vụ thuộc chuyên ngành kinh tế - kỹ thuật dệt may Việt Nam. Với hoạt động kinh doanh chủ yếu thuộc phân khúc gia công xuất khẩu, TDT hiện tập trung vào hai phương thức sản xuất chính là: CMT và FOB.

CMT - Cut, Make, Trim, là quy trình gia công bao gồm các công đoạn:

- Cut: Cắt vải từ cuộn vải theo rập thiết kế sẵn từ phía khách hàng.
- Make: May, khâu, vá lại với vải với nhau thành sản phẩm hoàn chỉnh.
- Trim: Cắt chỉ và làm sạch chỉ khỏi quần áo sau khi khâu. Thực hiện kiểm tra, hoàn thiện sản phẩm, đóng gói hàng thành phẩm theo yêu cầu.

FOB - Free On Board: DN sản xuất nhận đơn đặt hàng may mặc sử dụng nguồn nguyên liệu và tài sản của mình, từ nguồn hàng, máy móc, chi phí, nhân công, v.v. để hoàn thành đơn hàng được đặt may và đưa hàng ra ngoài cảng

Mảng kinh doanh FOB được đưa vào kinh doanh từ năm 2015. Theo đó, các đơn hàng được đưa đi gia công tại các nhà máy vệ tinh của TDT tại Thái Nguyên và các tỉnh khác.

Trong vòng 8 năm, giá trị của các đơn hàng FOB tăng hơn 17 lần, từ 14.60 tỷ đồng năm 2015 lên 255.26 tỷ đồng năm 2023. Với giá trị gia tăng đem lại cho TDT và khách hàng cao, mảng FOB giúp doanh thu của TDT tăng trưởng từ 25-35% doanh thu và lợi nhuận.

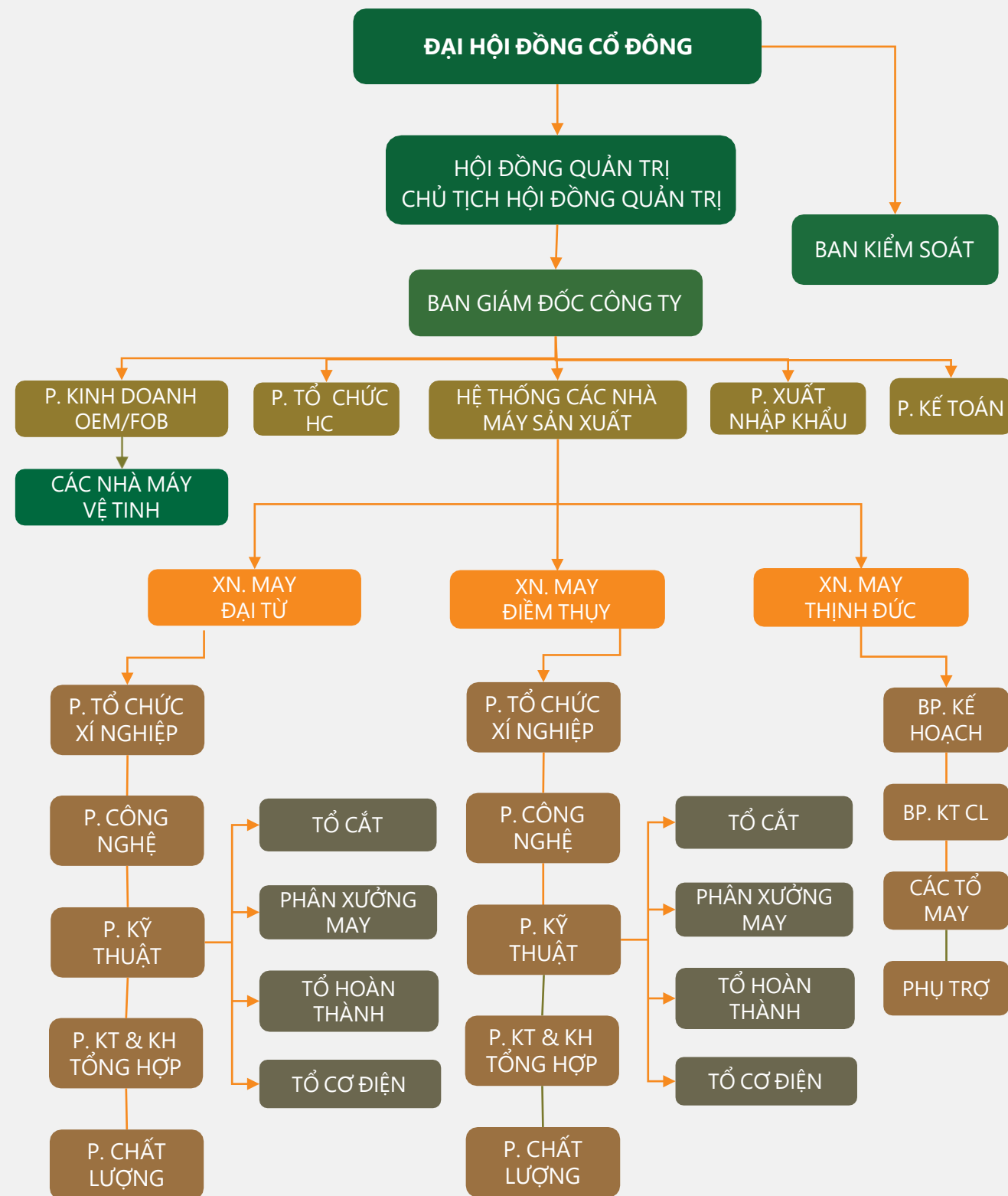
Trong thời gian tới, TDT dự kiến tiếp tục tập trung các nguồn lực để phát triển mô hình FOB đem lại nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm của TDT được phân phối rộng rãi trên thị trường trong nước và đặc biệt là thị trường quốc tế. Trong đó, Mỹ và EU là hai thị trường xuất khẩu truyền thống của TDT. Trong thời gian tới, Công ty có định hướng phát triển thị trường Nhật Bản, hiện đang là thị trường xuất khẩu hàng dệt may đứng thứ 3 của Việt Nam.

Hiện nay, TDT có ba nhà máy đang hoạt động TDT Đầm Thụy, TDT Thịnh Đức và TDT Đại Từ (TDT Đại Từ bắt đầu hoạt động từ Q4.2019)

A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty; Báo cáo của Hội đồng Quản trị; Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có các quyền và nhiệm vụ sau: Thông qua định hướng phát triển của Công ty; Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng giám đốc

Bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc thực hiện các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại; Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát

Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Phòng kinh doanh OEM/FOB

- ✓ Phát triển khách hàng OEM/FOB;
- ✓ Xây dựng và hoàn thiện mô hình quản lý đơn hàng OEM/FOB. Từng bước nâng cao trình độ quản lý đơn hàng OEM/FOB ngày càng chuyên nghiệp và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng giá trị ngành may;
- ✓ Nắm bắt xu hướng phát triển của ngành may trên bình diện quốc tế để có những chiến lược và bước phát triển phù hợp;
- ✓ Theo dõi sát sao sự chuyển dịch của ngành may theo thời gian để có những quyết định chính xác về khách hàng và ngành hàng phù hợp cho Công ty;
- ✓ Xây dựng kế hoạch khách hàng, doanh thu cho từng năm;
- ✓ Hỗ trợ Công ty trong công tác xúc tiến thương mại, marketing, quảng bá thương hiệu Công ty;
- ✓ Quản lý toàn bộ các đơn hàng OEM/FOB và các đơn hàng sản xuất tại nhà máy vệ tinh.

Phòng Kế toán

- ✓ Quản lý và tổ chức thực hiện hệ thống tài chính, kế toán tại Công ty theo Luật kế toán và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán;
- ✓ Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty;
- ✓ Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của Pháp luật;
- ✓ Lập báo cáo hợp nhất từ các công ty con và tư vấn các chính sách về cơ cấu vốn, chính sách đầu tư, chính sách nguồn vốn cho Ban lãnh đạo Công ty;
- ✓ Xây dựng hệ thống lập ngân sách tài chính và dự báo tài chính cho Công ty trong từng giai đoạn phát triển;
- ✓ Tư vấn cho Hội đồng quản trị về chính sách cổ đông, cổ tức;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Phòng Tổ chức hành chính

- ✓ Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về cơ cấu tổ chức, bộ máy, sắp xếp và sử dụng nguồn nhân lực của Công ty;
- ✓ Tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo và nâng bậc lương, theo dõi công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- ✓ Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ lý lịch, thẩm tra và bổ sung lý lịch hàng năm, thống kê số lượng và chất lượng lao động; Xây dựng quy trình đánh giá xếp loại người lao động; xây dựng các nội quy, quy chế, điều lệ công ty và các văn bản, tài liệu khác phục vụ công tác quản lý của Công ty;
- ✓ Quản lý trang thiết bị, tài sản, công cụ lao động, phương tiện làm việc tại khu vực trụ sở văn phòng Công ty;
- ✓ Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về chính sách trả lương và đãi ngộ đối với người lao động; Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách lao động cho người lao động;
- ✓ Quản lý công tác lễ tân, tiếp khách, văn thư, lưu trữ, con dấu;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Phòng Xuất nhập khẩu

- ✓ Tham mưu giúp Ban giám đốc Công ty thực hiện quản lý về công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu;
- ✓ Thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty và theo quy định của pháp luật;
- ✓ Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định;
- ✓ Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo xuất nhập khẩu hàng hóa chính xác, nhanh, phục vụ kịp thời cho sản xuất;
- ✓ Quản lý chặt chẽ các chi phí xuất nhập khẩu, vận tải, tìm các nhà cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu, vận tải có chất lượng và giá cả cạnh tranh;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Hệ thống các xí nghiệp sản xuất: Xí nghiệp May Diêm Thụy, Chi nhánh may TDT Đại Từ

Phòng Kỹ thuật

- ✓ Xây dựng và duy trì thực hiện từng quy trình cụ thể về công tác quản lý kỹ thuật cho từng bộ phận;
- ✓ Đảm bảo đồng bộ công tác kỹ thuật theo tiến độ sản xuất, hợp đồng đã ký và cam kết với khách hàng. Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh về công tác kỹ thuật trong quá trình sản xuất;
- ✓ Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công; Tổ chức họp với các bộ phận. Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
- ✓ Phụ trách hoạt động của các tổ đội sản xuất và hỗ trợ, bao gồm: Tổ cắt, các phân xưởng may, Tổ hoàn thành và Tổ cơ điện.

Phòng Kế hoạch sản xuất

- ✓ Tiếp nhận thông tin về các đơn hàng; phối hợp với các phòng có liên quan lập/xem xét thiết kế, dự toán theo quy định; chủ trì hoạch định quá trình tạo sản phẩm theo yêu cầu của từng đơn hàng và theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng;
- ✓ Tổ chức phân công và điều phối nguồn lực tham gia sản xuất; hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành, kiểm soát các quá trình sản xuất trên cơ sở tuân thủ, các quy trình, quy phạm, mục tiêu của dự án và hệ thống kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đã được phê duyệt;
- ✓ Thống kê các yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm. Chủ trì và phối hợp với các phòng chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất, xử lý các sản phẩm không phù hợp, giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến tiến độ và chất lượng sản phẩm.
- ✓ Phòng Thiết kế và Phát triển mẫu - Tham mưu về thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật cho ban điều hành công ty;

- ✓ Thiết kế mặt hàng theo yêu cầu của khách hàng, thiết kế mặt hàng mới, nắm vững đặc tính của chất liệu, nghiên cứu đề xuất chất liệu phù hợp, cung cấp thông số kỹ thuật, dữ liệu liên quan đến sản phẩm, tham gia xây dựng định mức nguyên vật liệu để kiểm soát quá trình sản xuất và cung cấp thông tin nghiên cứu đầu tư trang thiết bị mới;
- ✓ Giải quyết yêu cầu, khiếu nại, vướng mắc của khách hàng liên quan đến thiết kế và định mức nguyên liệu sản phẩm.

Phòng Công nghệ

- ✓ Tham mưu cho ban điều hành Công ty các vấn đề liên quan đến công nghệ trong sản xuất;
- ✓ Theo dõi, quản lý các vấn đề công nghệ liên quan đến may mặc trong công ty. Nghiên cứu, lên phương án cập nhật các công nghệ mới;
- ✓ Quản lý các bộ phận trực thuộc: Kỹ thuật chuyên, Ke gá, Mẫu dấu.

Phòng Quản lý chất lượng

- ✓ Xây dựng và duy trì thực hiện có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng trong Công ty;
- ✓ Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh không đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của khách hàng trong quá trình sản xuất. Tổ chức kiểm tra sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đúng tiến độ sản xuất;
- ✓ Đảm bảo công tác đánh giá nhà máy về chất lượng hàng hóa; Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công; - Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ.

Xí nghiệp May Thịnh Đức

- ✓ Bộ phận Kế hoạch: xây dựng kế hoạch nhận đơn hàng để phân bổ đến từng bộ phận.
- ✓ Bộ phận Kiểm tra chất lượng: chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm của toàn bộ xí nghiệp.
- ✓ Các tổ may: vận hành các khâu may, lắp ráp sản phẩm.

Phụ trợ: hỗ trợ các dây chuyền, tổ may trong các giai đoạn của sản phẩm.

A4. BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu cổ phần 2023
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT	15.57%
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	6.44%
3	Nguyễn Văn Bằng	Thành viên HĐQT	0.33%
4	Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT	2.33%
5	Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập	0.31%
6	Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập	0.00%
7	Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	0.01%

A4. BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc

Ông CHU THUYỀN

Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh năm: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 3,721,720 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 15.57%)

Quá trình công tác

- ✓ 2002 - 10/2014: Trưởng nhóm Vật tư – XNK - Phòng kế hoạch vật tư công ty May Thái Nguyên.
- ✓ 10/2004 - 08/2007: GD XN Vật tư vận tải CTCP đầu tư và Thương mại TNG.
- ✓ 08/2007 - 03/2011: GD TT thời trang TNG CTCP Đầu tư và Thương mại TNG.
- ✓ 03/2011: Cùng với các cổ đông khác, ông Chu Thuyên sáng lập và giữ vai trò Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.
- ✓ 11/2016 – nay: Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT (thời kiêm nhiệm chức danh TGD đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành).

Ông NGUYỄN VIỆT THẮNG

Phó Chủ tịch HĐQT

Tổng giám đốc

Sinh năm: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1,539,440 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 6.44%)

Quá trình công tác

- ✓ 1995-12/2004: Trưởng đại diện hãng tàu OOCL tại Hà Nội tại Công ty Liên doanh vận tải biển Việt Pháp (Gematrans).
- ✓ 01/2005 - 03/2011: TVHQQT - Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
- ✓ 03/2011 – 18/09/2020: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT.
- ✓ 18/09/2020-nay: Giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển TDT.

A4. BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc



Ông NGUYỄN VĂN BẰNG Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Quốc tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 78,400 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0.33%)

Quá trình công tác

- ✓ 2000-2002: Nhân viên Phòng Dự án tại Cienco 8.
- ✓ 2002-2005: Nhân viên Phòng Dự án tại Tổng CT Điện tử và Tin học VN
- ✓ 2007-2011: Phó giám đốc Công ty TNHH may Minh Anh
- ✓ 2011-2016: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Giấy An Hòa
- ✓ 2016-2017: Phó Tổng giám đốc tập đoàn Dabaco
- ✓ 2017-2019: Giám đốc chi nhánh CT TNHH Giấy Trường Xuân
- ✓ 12/2019-nay: Thành viên HĐQT – Phó TGD Công ty

Ông PHẠM THÁI HÒA Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 556,676 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 2.33%)

Quá trình công tác

- ✓ 10/2008 - 04/2010: Nhân viên Phòng Kế toán tại Công ty CP Đầu tư và TM TNG.
- ✓ 05/2010- 02/2011: Phó Phòng Kế toán tại Công ty CP Đầu tư và TM TNG.
- ✓ 03/2011- 06/2011: Trưởng phòng Kế toán tại Công ty CP Đầu tư và TM TNG.
- ✓ 07/2011- 06/2014: Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT.
- ✓ 06/2014 - nay: TVHĐQT – Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT.

Ông DƯƠNG NGỌC HẢI Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm: 1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 73,942 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0.31%)

Quá trình công tác

- ✓ 2006 – 10/2008: Cán Bộ tại Sở Khoa Học và Công Nghệ Thái Nguyên - Trung Tâm Thông Tin Công Nghệ
- ✓ 10/2008 - 07/2015: Chủ tịch HĐQT tại Công Ty TNHH Công Nghệ Thông Tin H3T.
- ✓ 08/2015 - 08/2016: Chủ tịch HĐQT tại Công ty In Thái Nguyên.
- ✓ 08/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần TPS Thái Nguyên.
- ✓ 05/2018 - nay: Thành viên HĐQT độc lập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT.

Ông PHAN MẠNH HÀ Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0%)

Quá trình công tác

- ✓ 2002 - 12/2006: Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty cổ phần Tara.
- ✓ 01/2006 - 12/2010: Trưởng nhóm giao dịch KH Cao cấp - CTCP Chứng Khoán Kim Long.
- ✓ 01/2011 - 08/2014: Giám đốc môi giới CTCP Chứng Khoán Navibank.
- ✓ 09/2014 – nay: Giám đốc kinh doanh CTCP Chứng khoán VNDirect.
- ✓ 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Đầu tư và Phát triển TDT



Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc

Ông ĐỖ MẠNH HÙNG Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm: 1958

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 3,129 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0.01%)

Quá trình công tác

- ✓ 2007-2011: Phó Trưởng đoàn – Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên.
- ✓ 2011-2016: Phó Chủ nhiệm - Ủy ban các vấn đề Xã hội Quốc hội Việt Nam.
- ✓ 2016-2018: Phó Chủ nhiệm – Văn phòng quốc hội Việt Nam.
- ✓ 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT độc lập - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

A4. BAN LÃNH ĐẠO Ban kiểm soát

Bà LÊ THỊ HỒNG THẨM Trưởng ban Kiểm soát

Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 50,212 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0.21%)

Quá trình công tác

- ✓ 09/1993 – 04/2006: Kế toán – Công ty cổ phần Xây dựng số 02 Thái Nguyên.
- ✓ 05/2005- 09/2010: Kế toán – Trường trung cấp nghề số 01 Thái Nguyên.
- ✓ 10/2010 – 04/2011: Phó phòng kế toán tài vụ - Trường trung cấp nghề Thái Nguyên.
- ✓ 05/2011-03/2020: Trưởng phòng kế toán – Trường trung cấp nghề Thái Nguyên.

- ✓ 01/05/2012- 03/2020: Kế toán trưởng – Trường trung cấp nghề Thái Nguyên.
- ✓ 03/2020 – 26/04/2020: Thành viên BKS Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT, Kế toán trưởng – Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên.
- ✓ 26/04/2020 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT.



A4. BAN LÃNH ĐẠO

Ban kiểm soát

Ông ĐỖ NGỌC TUYẾN

Thành viên ban kiểm soát

Sinh năm: 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản lý nhân lực

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 71,960 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0.3%)

Quá trình công tác

- ✓ 06/2010 - 08/2010: Trưởng phòng Tổ chức chi nhánh TNG 4 - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
- ✓ 09/2010 - 12/2010: Phó Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
- ✓ 01/2011 - 04/2011: Trưởng Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
- ✓ 05/2011 - 01/2022: Thành viên BKS - Trưởng Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT.
- ✓ 2/2022 - Nay: Thành viên BKS - Chủ tịch Công đoàn công ty

Bà PHẠM THỊ THU HÀ

Thành viên ban kiểm soát

Sinh năm: 1987

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 3,192 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0.01%)

Quá trình công tác

- ✓ 2010 - 2012: Nhân viên phòng Kinh doanh - Công ty cổ phần Apex.
- ✓ 2012-2023: Nhân viên đơn hàng - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TDT.

A5. PHÂN TÍCH SWOT

S

Tầm nhìn định hướng phát triển rõ ràng. Việc tập trung và chuyển dịch mô hình phát triển mảng kinh doanh FOB giúp TDT đi đúng và kịp với xu hướng phát triển của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam, giúp đem lại nhiều hơn giá trị gia tăng cho cả TDT và đối tác.

Nhà máy TDT Đại Từ bước vào giai đoạn ổn định Sau hơn 4 năm đi vào hoạt động ổn định, TDT Đại Từ tiếp tục mở rộng quy mô khách hàng, đơn hàng lớn góp phần nâng cao năng lực sản xuất và sản lượng của TDT

Lợi thế cạnh tranh nhờ vị trí địa lý khi đặt nhà máy tại những tỉnh thành được coi là vùng có nhiều lao động giá rẻ nhưng lại có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực may mặc.

Hệ thống quản trị được xây dựng trên nền tảng minh bạch, chuyên nghiệp, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị cao nhất được áp dụng xuyên suốt từ các bộ phận chức năng của các công ty thành viên đến Tập đoàn. Ban lãnh đạo có nhiều kinh nghiệm, quản trị trong các doanh nghiệp dệt may lớn tại Việt Nam.

Các nhà máy trực thuộc Công ty tiếp tục triển khai các gói nâng cấp máy móc, trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ nhu cầu đáp ứng các đơn hàng có số lượng lớn và đòi hỏi chất lượng cao

W

Quy mô và vốn đầu tư. Mặc dù được ban lãnh đạo luôn chú trọng và tập trung phát triển, nhưng quy mô sản xuất và vốn đầu tư của TDT còn khá khiêm tốn và hạn chế so với các doanh nghiệp dệt may khác trên thị trường.

Thương hiệu. Dệt may là ngành kinh tế truyền thống và lâu đời của Việt Nam, với thương hiệu TDT còn non trẻ so với các doanh nghiệp cùng lĩnh vực dệt may, gây nhiều khó khăn cho TDT trong việc tiếp cận các đối tác mới và lớn trên thế giới.

O

Hàng loạt các hiệp định thương mại đã và sẽ được thông qua. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đã được thông qua và triển khai năm 2019, trong đó có những ưu đãi cụ thể cho ngành dệt may; hiệp định EVFTA đã được EU phê chuẩn đầu năm 2020 đem đến cho TDT những cơ hội được tiếp cận với các thị trường mới tiềm năng mà không gặp phải các rào cản thương mại từ chính phủ các nước đó do đã cam kết trong các hiệp định thương mại. Đặc biệt, nhiều mặt hàng từ Việt Nam xuất sang EU chính thức được áp dụng thuế suất bằng 0 và lộ trình áp dụng cho tất cả mặt hàng ở các năm sau.

Nền kinh tế thế giới đã tạo đáy, sớm bước vào pha phục hồi. Sau 2 năm liên tục tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát, Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đưa ra tín hiệu sẽ có 3 lần hạ lãi suất vào năm nay. Bên cạnh đó, ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) cũng phát đi tín hiệu sớm giảm lãi suất trong năm nay. Đây là điều kiện quan trọng để đưa nền kinh tế chuyển tiếp từ giai đoạn tạo đáy sang giai đoạn phục hồi. Đặc biệt, Mỹ và châu Âu là thị trường xuất khẩu truyền thống của TDT.

T

Nguồn cung nguyên liệu. Sự phát triển không tương xứng của ngành dệt so với may mặc trong nhiều năm dẫn tới việc nguồn cung nguyên liệu của các doanh nghiệp dệt may phải phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu và khó kiểm soát chặt chẽ chất lượng của các nguồn cung này

Xu hướng bảo hộ sản xuất trong nước. Trong những năm trở lại đây, các thị trường phát triển như Mỹ, châu Âu đang có xu hướng siết chặt quy định bằng các rào cản thuế quan thương mại nhằm bảo hộ nền sản xuất trong nước. Điều này đặt ra thách thức giảm giá vốn và nâng cao chất lượng sản phẩm với các doanh nghiệp dệt may nói chung và TDT nói riêng.

Cạnh tranh với các nước xuất khẩu khác. Việt Nam vẫn phải tiếp tục hoàn thiện để duy trì cạnh tranh với các nước xuất khẩu như: Bangladesh, Sri Lanka, Myanmar và Campuchia, v.v.

A6. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH



Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT nhận thức được tầm quan trọng của tinh thần hợp tác để cùng phát triển và đặt ra mục tiêu đưa TDT không chỉ là đối tác mà còn trở thành người bạn song hành, gắn bó cùng với khách hàng, nhà đầu tư và người lao động. TDT trao gửi niềm tin, uy tín và chất lượng tới nhà đầu tư. Từng bước xây dựng nền móng, góp phần đưa ngành dệt may bay cao, bay xa và xây dựng nền tảng vững chắc cho các thế hệ tương lai.

TDT hướng đến đích đến trở thành một thương hiệu uy tín và chất lượng trên thị trường dệt may quốc tế bằng nền móng của sự đoàn kết để cùng phát triển. Đối với TDT, chất lượng chính là thương hiệu, uy tín là tài sản, sự hài lòng của khách hàng là lợi nhuận, là kim chỉ nam cho định hướng phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp. Công ty đặt quyết tâm trở thành thương hiệu lớn và uy tín trên thị trường dệt may Việt Nam và quốc tế.

A7. CÁC RỦI RO

RỦI RO CHIẾN LƯỢC & TÀI CHÍNH



Rủi ro nguyên vật liệu

Thị trường dệt may Việt Nam vốn phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu từ nước ngoài do sự phát triển không đồng đều giữa may mặc với ngành dệt. Phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu và chủ yếu may gia công - đó là thách thức lớn nhất đối với ngành dệt may khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Để giảm thiểu và giải quyết được rủi ro nguyên vật liệu, các DN trong nước cần kết nối với nhau, đặc biệt DN nhỏ và vừa nên tìm kiếm, ký hợp đồng với các DN lớn để có thể chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm từ DN lớn. Điều này là rất cần thiết khi tham gia sân chơi toàn cầu.

Rủi ro về sức ép cạnh tranh

Đối với TDT, sức ép cạnh tranh không chỉ đến từ các thị trường mới nổi mà còn đến từ các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực sản xuất may mặc trong nước.

Là một thương hiệu nhỏ trong ngành dệt may, TDT chịu rất nhiều sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn trên thị trường. Bên cạnh đó, Việt Nam lại đối mặt với những khó khăn nhất là ở khâu đơn giá, vì hiện nhiều khu vực thị trường đang có xu hướng giảm sẽ tác động đến dệt may Việt Nam trong thời gian tới. Bên cạnh đó, thị trường dệt may thế giới được dự báo sẽ cạnh tranh ngày càng khốc liệt, không chỉ Trung Quốc mà nhiều nước khác như Myanmar, Campuchia... làm gia tăng áp lực lên thị phần với Việt Nam tại những khu vực lớn.

Để giảm thiểu rủi ro này, TDT đang và sẽ tập trung phát triển mô hình FOB, giúp định hình chỗ đứng của doanh nghiệp trên thị trường may mặc Việt Nam và thế giới.

Rủi ro tỷ giá

Trong năm 2023, những diễn biến trái chiều về chính sách tiền tệ khiến tỷ giá tăng cao. Cụ thể, trong khi Việt Nam đã có 3 lần giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế thì tại Mỹ, cuộc chiến lạm phát vẫn còn dai dẳng khiến Ngân hàng trung ương nước này tiếp tục tăng lãi suất và duy trì ở mức cao nhất trong 23 năm. Tỷ giá đồng USD/VND leo thang, đã có lúc lên đến gần 25,000 VND quy đổi 1 USD. Với 90% doanh thu đến từ xuất khẩu cùng với phần lớn nguyên vật liệu nhập khẩu từ Trung Quốc, hoạt động kinh doanh TDT chịu ảnh hưởng lớn bởi việc biến động của tỷ giá.

A7. CÁC RỦI RO

Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán công ty không chỉ chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh mà còn chịu ảnh hưởng bởi những biến động chung của thị trường, cung cầu tài sản tài chính, những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan nhà nước có liên quan. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty cần thực hiện tốt các nghĩa vụ về minh bạch thông tin, quan hệ nhà đầu tư và các quy định có liên quan.

Rủi ro an toàn sức khỏe

Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và những ảnh hưởng đến sức khỏe trong quá trình làm việc là vấn đề nghiêm trọng đối với mọi doanh nghiệp và ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống người lao động. Tuy nhiên đây là vấn đề mà mỗi công ty cần đối mặt để cải tiến. Trong một số nhà máy sản xuất và vị trí làm việc, nguy cơ xảy ra và tác động là cao hơn hẳn và tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Để tăng cường các giải pháp hạn chế rủi ro, TDT đã trang bị cơ sở vật chất, thiết bị, bảo hộ lao động, chế độ kiểm định đầy đủ và an toàn. Thường xuyên tổ chức đào tạo, diễn tập các tình huống khẩn cấp cho người lao động. Ban hành các nội quy, chế độ giám sát và chế tài xử lý để thúc đẩy việc tuân thủ toàn diện.

Rủi ro quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm với khách hàng

Theo đánh giá của chúng tôi, rủi ro quản trị của TDT là không lớn do tầm nhìn và kinh nghiệm của hội đồng quản trị, ban giám đốc trong quản lý doanh nghiệp và lĩnh vực dệt may, gia công xuất khẩu.

Việc xâm nhập vào các thị trường xuất khẩu chính như EU và Mỹ của các sản phẩm dệt may vẫn còn nhiều rủi ro do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, đặc biệt là các rào cản kỹ thuật và rào cản thương mại đang có xu hướng được các quốc gia nhập khẩu áp dụng một cách chặt chẽ hơn. Đặc biệt, các bất ổn địa chính trị, chiến tranh thương mại sẽ khiến các xu hướng bảo hộ sản xuất này diễn ra trong thời gian dài. Để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro này, TDT cần tiếp tục hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và quy trình sản xuất nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm và thương hiệu của TDT trên thị trường.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG



B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2023

B1. Thông tin ngành	38
B2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	38
B3. Kết quả kinh doanh qua các năm	39
B4. Tổ chức và nhân sự	42
B5. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	43
B6. Tình hình tài chính	44
B7. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	46

B1. THÔNG TIN NGÀNH

Trong năm 2023, tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam đạt 354.67 tỷ USD, giảm 4.6% so với năm 2022. Trong bối cảnh cuộc chiến lạm phát tiếp tục diễn ra trên quy mô toàn cầu, FED và các quốc gia châu Âu duy trì lãi suất cao nhất trong vòng hơn 2 thập kỷ, cầu tiêu dùng suy giảm trầm trọng. Bên cạnh đó, ngành dệt may Việt Nam còn phải chịu sự cạnh tranh lớn với các đối thủ khác trên trường quốc tế như Bangladesh. Trước bối cảnh như vậy, kết quả trên được coi là một điểm sáng. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất Việt Nam với 96.8 tỷ USD. Trong bức tranh âm ảm của thị trường xuất khẩu, hàng dệt may tiếp tục là một trong những mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao, với kim ngạch năm 2023 đạt 40.3 tỷ USD, giảm 9.2% so với năm 2022. Tuy nhiên, xuất khẩu ngành dần phục hồi vào nửa sau năm 2023.

Trong năm 2024, kinh tế thế giới được dự báo sẽ bước vào pha phục hồi khi FED tuyên bố sẽ có 3 lần giảm lãi suất trong năm nay, chấm dứt 2 năm thắt chặt tiền tệ. Dự kiến tổng cầu dệt may thế giới khoảng 715 tỷ USD, tăng nhẹ so với năm 2023. Trong bối cảnh đó, Hiệp hội Dệt may đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu của ngành Dệt may đạt 44 tỷ USD, tăng 9.2% so với năm 2023 nhờ xu hướng phục hồi chung của tiêu dùng toàn cầu. Đồng thời, các yếu tố hỗ trợ của ngành Dệt may Việt Nam tiếp tục được duy trì: lợi thế cạnh tranh về chi phí nhân công và ưu đãi đầu tư của Chính phủ đối với ngành; Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA), trong đó dệt may được đánh giá là một trong số những ngành hưởng lợi nhiều nhất.

B2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2023	TH năm 2023	Thực hiện/ Kế hoạch (%)
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	540.44	486.98	90%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	31.72	15.86	50%

Năm 2023, mặc dù thời kỳ covid đã kết thúc nhưng việc nhu cầu tại các thị trường lớn như Mỹ và EU suy giảm đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của TDT. Số lượng đơn hàng giảm về quy mô và số lượng. Việc đồng bộ nguyên phụ liệu gặp rất nhiều khó khăn trong công tác sản xuất các nhà máy. Bên cạnh đó sự cạnh tranh về lao động ngày càng gay gắt, đã làm tăng thêm chi phí của doanh nghiệp.

Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 15.86 tỷ đồng, hoàn thành 50% kế hoạch đề ra. Các đơn hàng của TDT vẫn tập trung tham gia vào công đoạn sản xuất, chủ yếu các đơn hàng theo phương thức CMT và FOB. Trong năm 2023, giá trị đơn hàng theo phương thức CMT và FOB tăng trưởng lần lượt -19% và +117%.

Điều này khiến cho tỷ trọng đơn hàng theo hình thức FOB tăng lên, chiếm 52% tổng doanh thu năm 2023 của công ty.

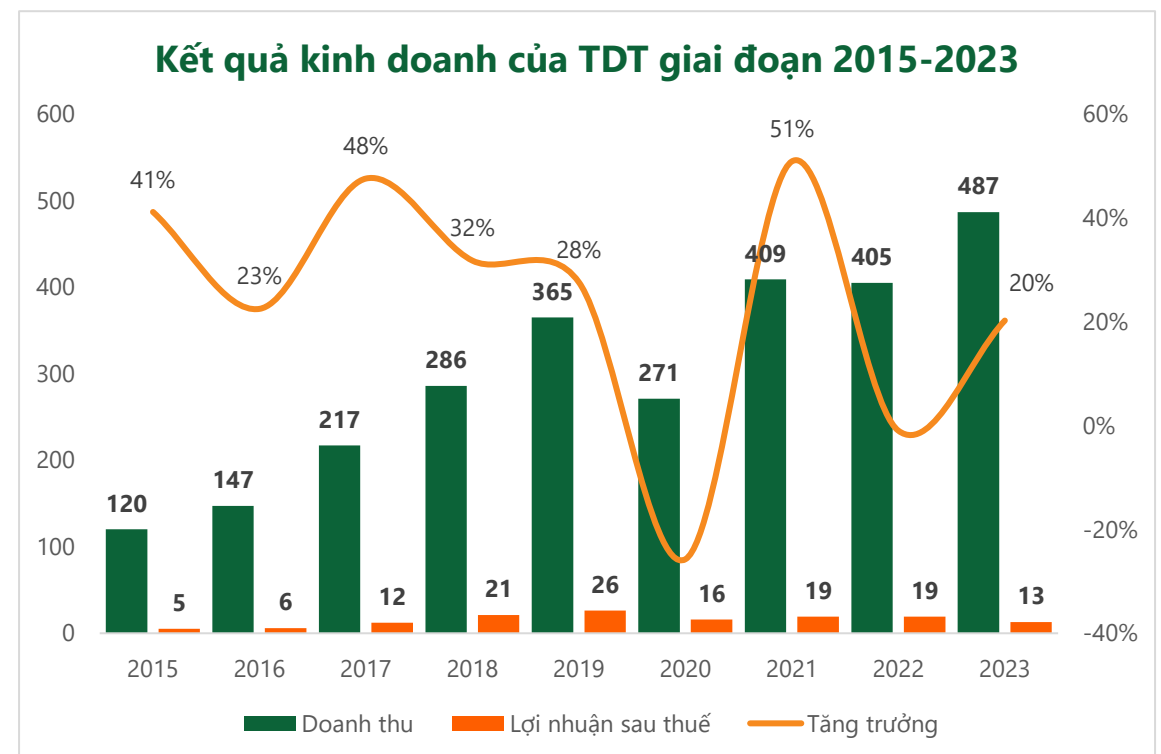
Trong dài hạn, định hướng của công ty vẫn sẽ tăng tỷ trọng các đơn hàng theo phương thức FOB. Đối với các đơn hàng CMT, thông thường đơn giá gia công CMT là 25% giá trị xuất khẩu và lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp gia công chỉ đạt 1-3% đơn giá gia công.

Đối với đơn hàng FOB, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm nhập khẩu nguyên vật liệu và sản xuất đơn hàng, doanh nghiệp được hưởng khoảng 30% giá trị xuất khẩu và lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 3 - 5% doanh thu thuần. Do đó, việc tăng các đơn hàng FOB sẽ giúp tăng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp. Ngoài ra, với cũng như các doanh nghiệp trong ngành may mặc, chi phí chủ yếu của TDT tập trung vào giá vốn hàng bán và chi phí lao động.

B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	408.93	404.63	486.98
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	319.90	302.97	373.42
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	61.31	73.14	76.08
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21.28	20.78	15.86
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18.82	18.57	12.98

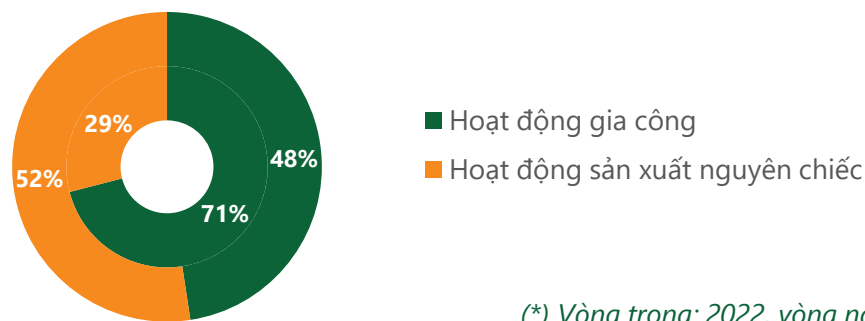
Trước những khó khăn chung của ngành dệt may, kết quả kinh doanh của công ty được đánh giá là tương đối tích cực. Doanh thu của công ty đạt 486.98 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 12.98 tỷ đồng, giảm 30% so với năm 2022. Trong năm 2023, chi phí giá vốn tăng nhiều hơn mức tăng của doanh thu khiến biên lợi nhuận gộp giảm nhẹ. Năm 2024 được đánh giá là năm hồi phục đối với ngành dệt may khi giai đoạn khó khăn nhất đã đi qua, các đơn hàng bắt đầu có sự cải thiện từ cuối năm 2023.



B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	Cơ cấu	2022	Cơ cấu	2023	Cơ cấu
Doanh thu thuần từ hoạt động gia công	Tỷ VNĐ	282.75	69%	287.19	71%	231.72	48%
Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc	Tỷ VNĐ	126.32	31%	117.44	29%	255.26	52%
Tổng	Tỷ VNĐ	409.07	100%	404.63	100%	486.98	100%

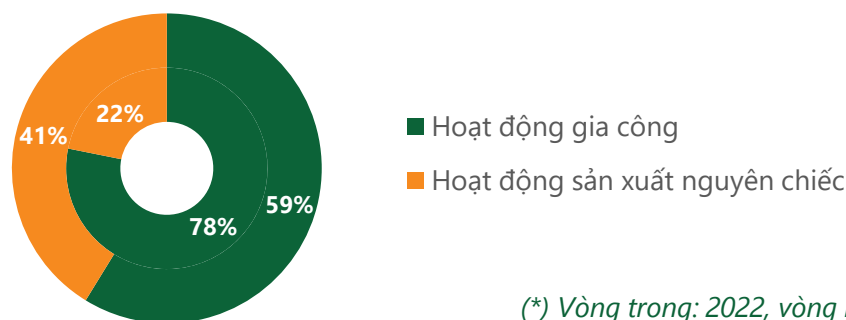
Cơ cấu doanh thu theo hoạt động



(*) Vòng trong: 2022, vòng ngoài: 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	Cơ cấu	2022	Cơ cấu	2023	Cơ cấu
Lãi gộp hoạt động gia công (CMT)	Tỷ VNĐ	65.44	74%	79.44	78%	66.74	59%
Lãi gộp hoạt động sản xuất sản phẩm nguyên chiếc (FOB)	Tỷ VNĐ	23.59	26%	22.21	22%	46.82	41%
Tổng	Tỷ VNĐ	89.03	100%	101.66	100%	113.56	100%

Cơ cấu lợi nhuận theo hoạt động

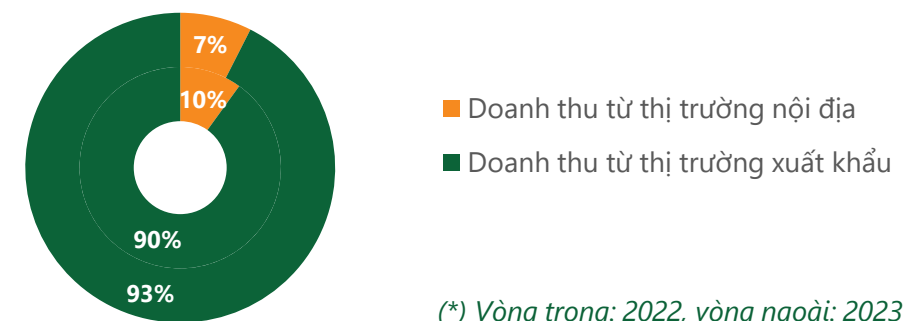


(*) Vòng trong: 2022, vòng ngoài: 2023

B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	Cơ cấu	2022	Cơ cấu	2023	Cơ cấu
Doanh thu từ thị trường nội địa	Tỷ VNĐ	45.37	11%	40.35	10%	36.46	7%
Doanh thu từ thị trường xuất khẩu	Tỷ VNĐ	363.7	89%	364.27	90%	450.52	93%
Tổng	Tỷ VNĐ	409.07	100%	404.63	100%	486.98	100%

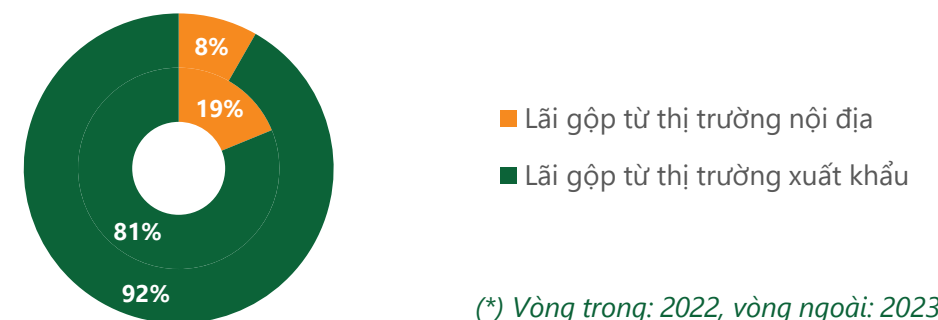
Cơ cấu doanh thu theo thị trường



(*) Vòng trong: 2022, vòng ngoài: 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	Cơ cấu	2022	Cơ cấu	2023	Cơ cấu
Lãi gộp từ thị trường nội địa	Tỷ VNĐ	13.23	15%	19.12	19%	9.39	8%
Lãi gộp từ thị trường xuất khẩu	Tỷ VNĐ	75.8	85%	82.53	81%	104.17	92%
Tổng	Tỷ VNĐ	89.03	100%	101.66	100%	113.56	100%

Cơ cấu lợi nhuận theo thị trường



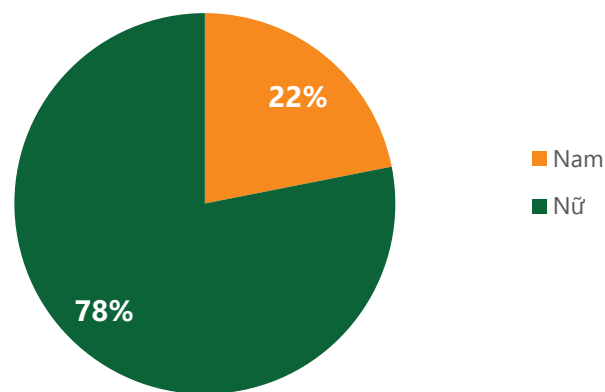
(*) Vòng trong: 2022, vòng ngoài: 2023

B4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thống kê lao động

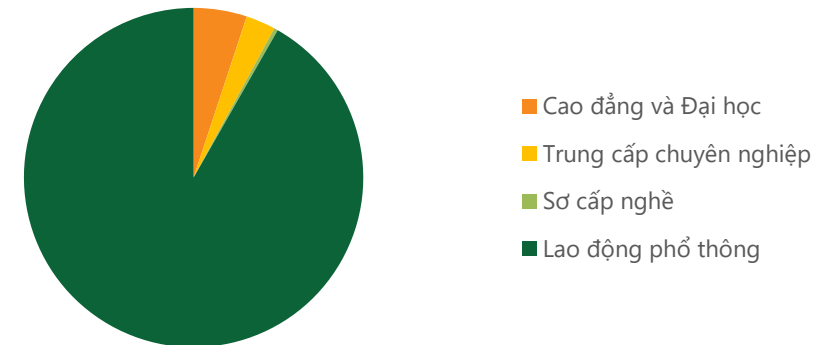
STT	Tiêu chí	Số lượng 2022 (người)	Số lượng 2023 (người)	Tỷ trọng 2023
I Theo trình độ lao động				
1	Cao đẳng và Đại học	301	99	5%
2	Trung cấp chuyên nghiệp	52	55	3%
3	Sơ cấp nghề	0	7	0%
4	Lao động phổ thông	1,639	1,789	92%
II Theo đối tượng lao động				
1	Khối trực tiếp	1,224	1,350	69%
2	Khối gián tiếp và phụ trợ	768	589	30%
III Theo giới tính				
1	Nam	461	427	22%
2	Nữ	1,531	1,523	78%
IV Theo độ tuổi				
1	Dưới 25	262	407	21%
2	Từ 31 đến 40	1,305	971	50%
3	Trên 40 tuổi	425	429	22%
V Theo thời gian làm việc tại công ty				
1	Dưới 1 năm	150	73	4%
2	Từ 1 đến 3 năm	1,113	1,060	54%
3	Không xác định thời hạn	729	817	42%
Tổng cộng		1,992	1,950	100%

Cơ cấu lao động theo giới tính



B4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu lao động theo trình độ



Một số thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Thưởng tiền lương tháng thứ 13.
- Người lao động được tuyển dụng tại Công ty được tham gia đóng Bảo hiểm xã hội, Y tế, thất nghiệp đầy đủ theo quy định của nhà nước và được bảo lưu mức đóng Bảo hiểm theo bậc thợ của từng cá nhân nếu đã tham gia đóng BHXH từ trước.
- Được hưởng các khoản phúc lợi khác theo quy định như: Tham quan, học tập....

B5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Các khoản đầu tư lớn trong năm
- Tập trung vào đầu tư máy móc thiết bị áp dụng công nghệ kỹ thuật vào sản xuất với tổng mức đầu tư khoảng hơn 18 tỷ đồng
- Các công ty con, công ty liên kết (Không có)

B6. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2023	2023/2022
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	491.08	585.35	19%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	404.63	486.98	20%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	28.52	37.48	31%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	1.61	-1.10	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20.78	15.86	-24%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18.57	12.98	-30%

Năm 2023, các chỉ tiêu tài chính có sự cải thiện so với năm 2022. Cụ thể, tổng tài sản tăng 19% và doanh thu thuần tăng 20% trong bối cảnh ngành dệt may khó khăn. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế đạt gần 13 tỷ đồng, bằng 70% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt gần 37.5 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2022.

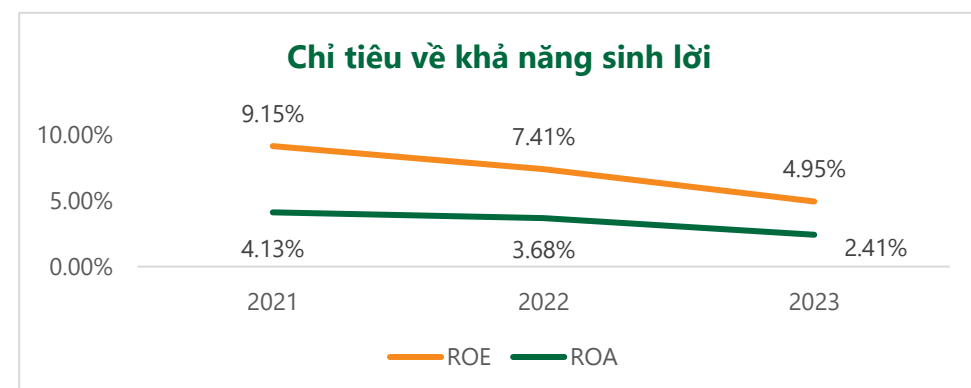
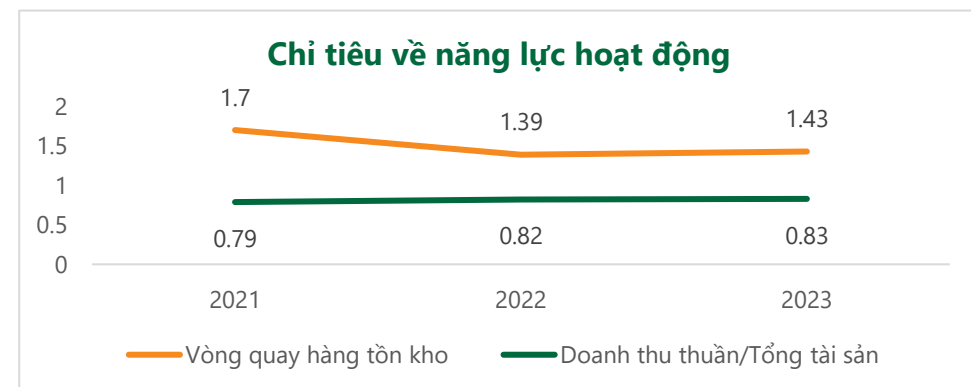
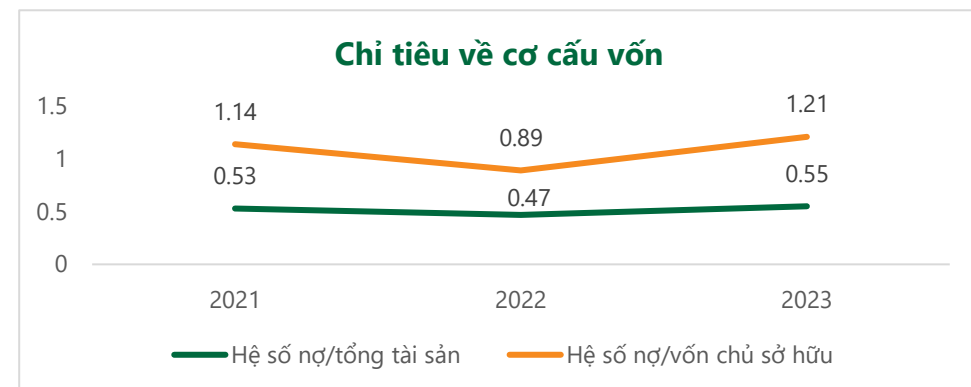
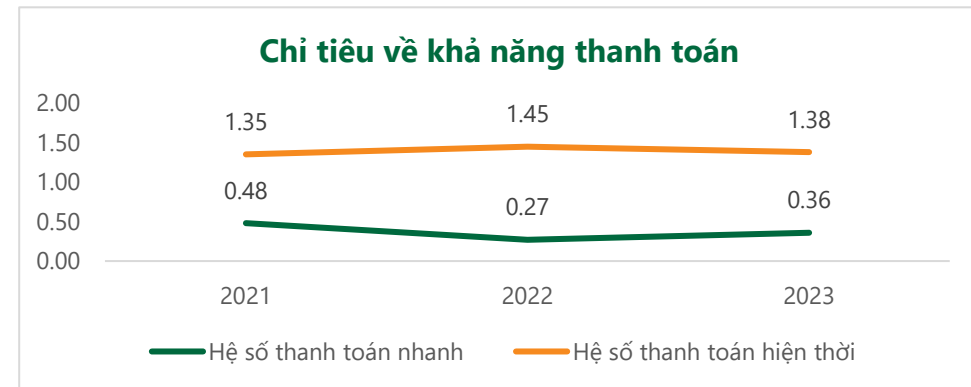
Nhìn chung, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là nguồn thu chính, chiếm gần như toàn bộ lợi nhuận của Công ty. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng kinh doanh là tập trung toàn bộ nguồn lực để phát triển ngành nghề kinh doanh chính, sản xuất và kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu.

Trong bối cảnh xuất khẩu nước ta gặp khó khăn trong năm 2023, nguyên nhân giúp công ty duy trì kết quả kinh doanh tăng trưởng so với năm trước:

- ✓ Công ty đã tập trung vào công tác đơn hàng, tìm kiếm những đơn hàng giá tốt, số lượng sản phẩm lớn, sản phẩm phù hợp với thế mạnh của TDT.
- ✓ Mặt khác, Công ty cũng tiết giảm chi phí trong sản xuất bằng các biện pháp áp dụng máy móc công nghệ sản xuất hiện đại dẫn đến tăng năng suất lao động so với cùng kỳ năm trước, giảm giá vốn.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2023	2023/2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.27	0.36	133%
- Hệ số thanh toán hiện thời	lần	1.45	1.38	95%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0.47	0.55	117%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0.89	1.21	136%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	lần	1.39	1.43	103%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0.82	0.83	101%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4.59%	2.66%	58%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	7.41%	4.95%	67%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	3.68%	2.41%	65%

B6. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



B7. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

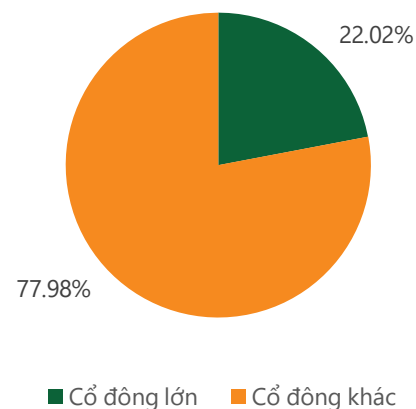


Cổ đông

Năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT không phát hành cổ phiếu. Trong đó:

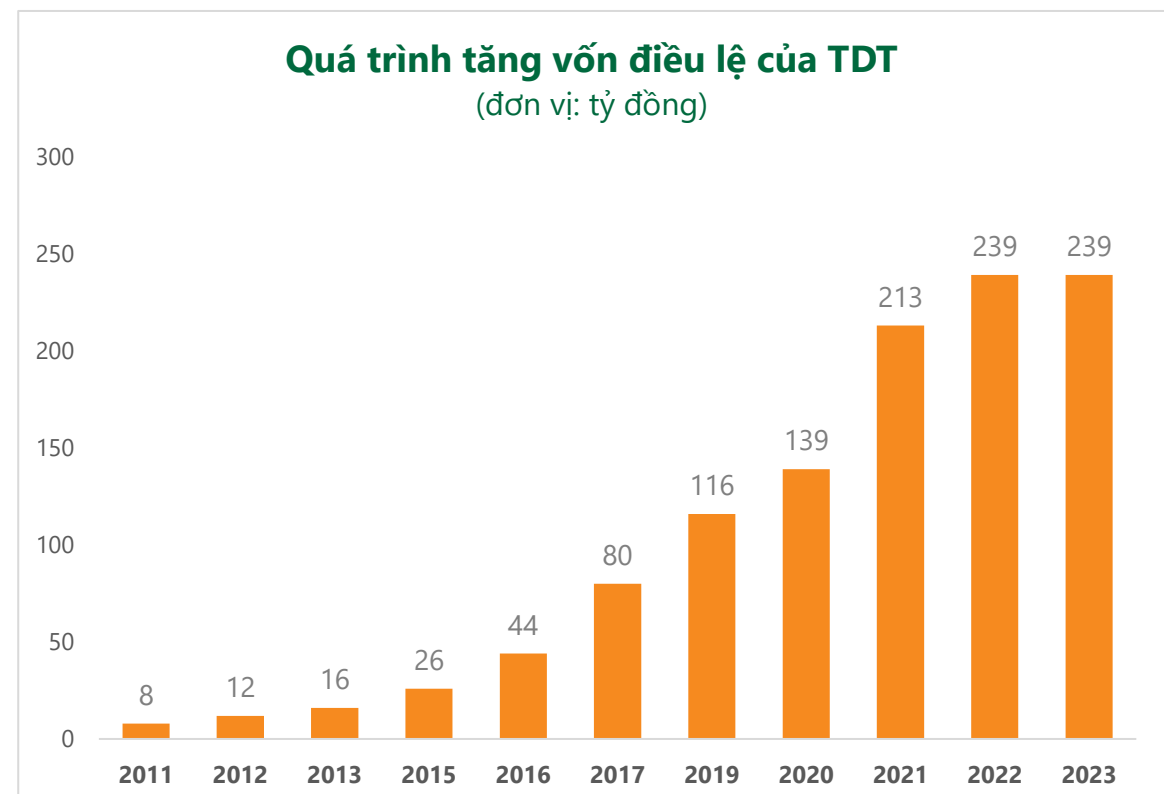
- Số cổ phiếu phổ thông: 23,896,534
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 23,896,534
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

Cơ cấu cổ đông



Quá trình tăng vốn điều lệ

Quá trình tăng vốn điều lệ của TDT
(đơn vị: tỷ đồng)



Cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Chu Thuyên	3,721,720	15.57%
2	Ông Nguyễn Việt Thắng	1,539,440	6.44%
Tổng cộng		5,261,160	22.02%



C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

C1. Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh	50
C2. Tình hình tài chính	52
C3. Định hướng phát triển trong tương lai	54

C1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Danh sách của Ban giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc	1,539,440	6.44%
2	Ông Nguyễn Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc	78,400	0.33%
3	Ông Đặng Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	101,200	0.42%

Đánh giá chung hoạt động sản xuất kinh doanh



Bám sát chiến lược phát triển mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đề ra, trong năm 2023, cuộc chiến lạm phát đi vào chặng cuối, lãi suất cao kỷ lục tại các thị trường tài chính toàn cầu khiến cho nhu cầu tiêu dùng suy giảm, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Mỹ, Euro Zone,... Đứng trước khó khăn vĩ mô, công ty vẫn đạt được kết quả đáng khích lệ với doanh thu tăng trưởng 20% so với năm trước so với tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành giảm 9.2%.

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2022	TH 2023	KH 2023	TH 2023/ TH 2022	TH 2023/ KH 2023
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	404.63	486.98	540.44	20%	90%
LNTT	Tỷ đồng	20.78	15.86	31.72	-24%	50%
LNST	Tỷ đồng	18.57	12.98			
Cổ tức	%	3%	3%	3% - 5%		

C1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bắt đầu có những dấu hiệu hồi phục

Tiếp nối những khó khăn từ cuối năm 2022, ngành dệt may khởi đầu năm 2023 với kết quả kinh doanh không mấy khả quan. Tuy nhiên, những tín hiệu tích cực bắt đầu xuất hiện kể từ giữa năm. Nhóm thời trang cao cấp và bình dân tiếp tục ghi nhận kết quả vượt trội trong khi các cửa hàng bán lẻ truyền thống phục hồi vào năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu dệt may ước đạt 40 tỷ USD trong năm 2023 (giảm 9.2% so với cùng kỳ). Có thể nói doanh nghiệp dệt may Việt Nam đã và đang lấy lại dần tốc độ tăng trưởng. Mặc dù nhu cầu tiêu dùng vẫn ở mức thấp, nhưng kết quả kinh doanh của toàn ngành bắt đầu có sự cải thiện từ giữa năm 2023.

Khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Ngay từ đầu năm, ngành dệt may đã gặp những khó khăn do các tác động từ các yếu tố địa chính trị, lạm phát không ngừng, lãi suất tại các thị trường lớn đạt mức kỷ lục trong nhiều thập kỷ khiến cho tâm lý người tiêu dùng sụt giảm. Đây là những hệ lụy kéo dài từ giữa năm 2022 đến giữa năm vừa qua. Hiệp hội dệt may đánh giá, năm 2023 là năm khó khăn nhất của ngành dệt may trong 3 thập kỷ nếu không tính năm 2020 bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

Doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh với các nước như: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh... và nhiều quốc gia khác có lợi thế về nhân công dệt may. Đáng chú ý, có cả những quốc gia mới nổi ở khu vực châu Phi khiến số lượng nhà sản xuất tăng mạnh, đơn hàng bị san sẻ và chuyển dịch sang nước khác. Đặc biệt các khu vực như Bangladesh và Pakistan sở hữu lợi thế về vị trí địa lý gần thị trường tiêu thụ.

Về phía TDT, năm 2023, công ty đối mặt với một số khó khăn như: đơn hàng sụt giảm do những e ngại về suy thoái xuất nhập khẩu vận tải, bảo hiểm xã hội trong khi vẫn phải đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động. Thêm nữa, số lượng mỗi đơn hàng nhỏ đi, khách hàng không đặt hàng dài hạn 3 - 6 tháng như trước và tình hình trở nên khó đoán hơn trước.

C2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021	2022	2023
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	220.14	321.53	291.98	401.14
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	174.59	195.91	199.1	184.21
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	394.73	517.44	491.08	585.35
Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	56%	62%	59%	69%
Tỷ trọng Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	44%	38%	41%	31%
Tốc độ tăng tài sản	Tỷ đồng	16%	31%	-5%	19%

Tại 31/12/2023, quy mô tổng tài sản của công ty đạt 585.35 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2022. Trong giai đoạn 2019-2023, tổng tài sản của công ty liên tục tăng qua các năm với tốc độ trung bình 11.4%/năm, do công ty đang trong giai đoạn mở rộng năng lực sản xuất qua việc xây dựng các nhà máy mới, nâng cấp các dây chuyền máy móc đồng thời tích cực tăng doanh thu hoạt động sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển khách hàng mới. Tuy nhiên do diễn biến kinh doanh trong năm 2023 không quá thuận lợi, tổng tài sản giảm chủ yếu đến từ việc giảm các khoản phải thu do doanh thu giảm. Điều này dẫn đến tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng so với đầu năm 2023. Năm 2022, tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 59% tổng tài sản, sang 2023 đã tăng lên 69%. Nguyên nhân của hiện tượng này là do đơn hàng sụt giảm, doanh thu bị ảnh hưởng dẫn đến việc tài sản ngắn hạn tại công ty cũng suy giảm theo. Song, hệ thống khách hàng của công ty phần lớn đều là những khách hàng lớn, có quan hệ hợp tác lâu dài nên diễn biến về việc doanh thu bị ảnh hưởng sẽ không kéo dài quá lâu.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	Cơ cấu	2022	Cơ cấu	2023	Cơ cấu
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	57.47	11%	23.48	5%	17.71	3%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	55.71	11%	31.69	6%	87.26	15%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	201.70	39%	233.03	47%	288.89	49%
Các Tài sản ngắn khác	Tỷ đồng	6.65	1%	3.78	1%	7.3	1%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	517.44	100%	491.08	100%	585.35	100%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021	2022	2023
Nợ phải trả	Tỷ đồng	224.78	275.99	231.43	320.26
Nguồn vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	169.96	241.45	259.65	265.08
Tổng Nguồn vốn	Tỷ đồng	394.73	517.44	491.08	585.35
Tỷ trọng Nợ phải trả	Tỷ đồng	57%	53%	47%	55%
Tỷ trọng Nguồn vốn CSH	Tỷ đồng	43%	47%	53%	45%
Tốc độ tăng VCSH	Tỷ đồng	10%	42%	8%	2%

Trong giai đoạn 2017-2023 công ty đã trải qua nhiều đợt tăng vốn điều lệ. Vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2023 đạt 265.08 tỷ đồng, gấp hơn 3.3 lần so với năm 2017. Năm 2023, công ty tăng nợ vay để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên cơ cấu vốn có sự thay đổi. Điều này xuất phát từ việc ngân hàng nhà nước liên tục hạ lãi suất trong năm 2023 khiến lãi suất tại các ngân hàng lớn về mức dưới 5% - đây là mức thấp nhất trong 20 năm tại Việt Nam. Trong khi đó, việc huy động vốn chủ không dễ dàng trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn. Công ty nhận thấy đây là chiến lược linh hoạt và đúng đắn nhằm tối ưu chi phí nguồn vốn của doanh nghiệp.

C3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TRONG TƯƠNG LAI



Trong giai đoạn 05 năm tới, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT sẽ tiếp tục tập trung và phát triển mảng hoạt động chính mà mình có thế mạnh là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, trong đó cụ thể:

- ✓ Tiếp tục phát triển mở rộng hệ thống nhà máy vệ tinh.
- ✓ Nâng cao trình độ thiết kế, phát triển mẫu, khả năng tìm nguồn nguyên phụ liệu, kỹ năng đàm phán.
- ✓ Đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, quy trình quản lý sản xuất tinh gọn để đạt được tăng trưởng đột phá về năng suất lao động.
- ✓ Tăng dần tỷ trọng nhóm hàng FOB có tỷ suất lợi nhuận cao.
- ✓ Tích cực tìm kiếm khách hàng tại các thị trường thuộc khuôn khổ các hiệp định tự do thương mại mà Việt Nam là thành viên như CPTPP, EVFTA.

- ✓ Mở văn phòng đại diện tại các thành phố lớn trong cả nước và thị trường xuất khẩu lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản nhằm đẩy mạnh công tác sales, marketing, tiếp cận và làm việc trực tiếp với các khách hàng bán lẻ tại các thị trường này nhằm gia tăng tỷ suất lợi nhuận.

Định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp và sẽ tận dụng được tối đa những ưu đãi của Chính phủ đối với ngành may mặc. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc Công ty sẽ tăng dần tỷ trọng nhóm hàng gia công có tỷ suất lợi nhuận cao (từ CMT sang FOB và tiến tới là ODM, OBM). Như đã phân tích ở trên, đây là một xu hướng phát triển tất yếu không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới của các công ty may mặc khi đã đạt đến một mức độ phát triển nhất định, và với TDT, đây chính xác là thời điểm vàng để bắt đầu quá trình chuyển đổi. Ở TDT hiện đã hội tụ đầy đủ các yếu tố về mặt con người (đội ngũ quản lý kinh nghiệm và lao động tay nghề cao), máy móc

công nghệ (các thiết bị và công nghệ sản xuất đều thuộc hàng tiên tiến nhất trong ngành may mặc tại Việt Nam), nguồn vốn, và lại ở trong giai đoạn đầu của kế hoạch phát triển ngành may mặc với nhiều ưu đãi từ phía cơ quan chủ quản. Không chỉ có vậy, trên bình diện khu vực và quốc tế, một loạt các hiệp định thương mại chuẩn bị có hiệu lực như Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU (có hiệu lực từ năm 2018) sẽ mở toang cánh cửa vào một loạt các thị trường đầy tiềm năng với mức thuế suất vô cùng ưu đãi. Do đó, có thể khẳng định, với kế hoạch 05 năm đã được đề ra cùng tầm nhìn chiến lược của ban điều hành Công ty, triển vọng phát triển trong thời gian tới của TDT là vô cùng tích cực.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

Chi tiêu (Tỷ đồng)	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần	863.69	486.98	177%
Lợi nhuận trước thuế	30.54	15.86	193%
Cổ tức (%)	5%-10%	3%-5%	

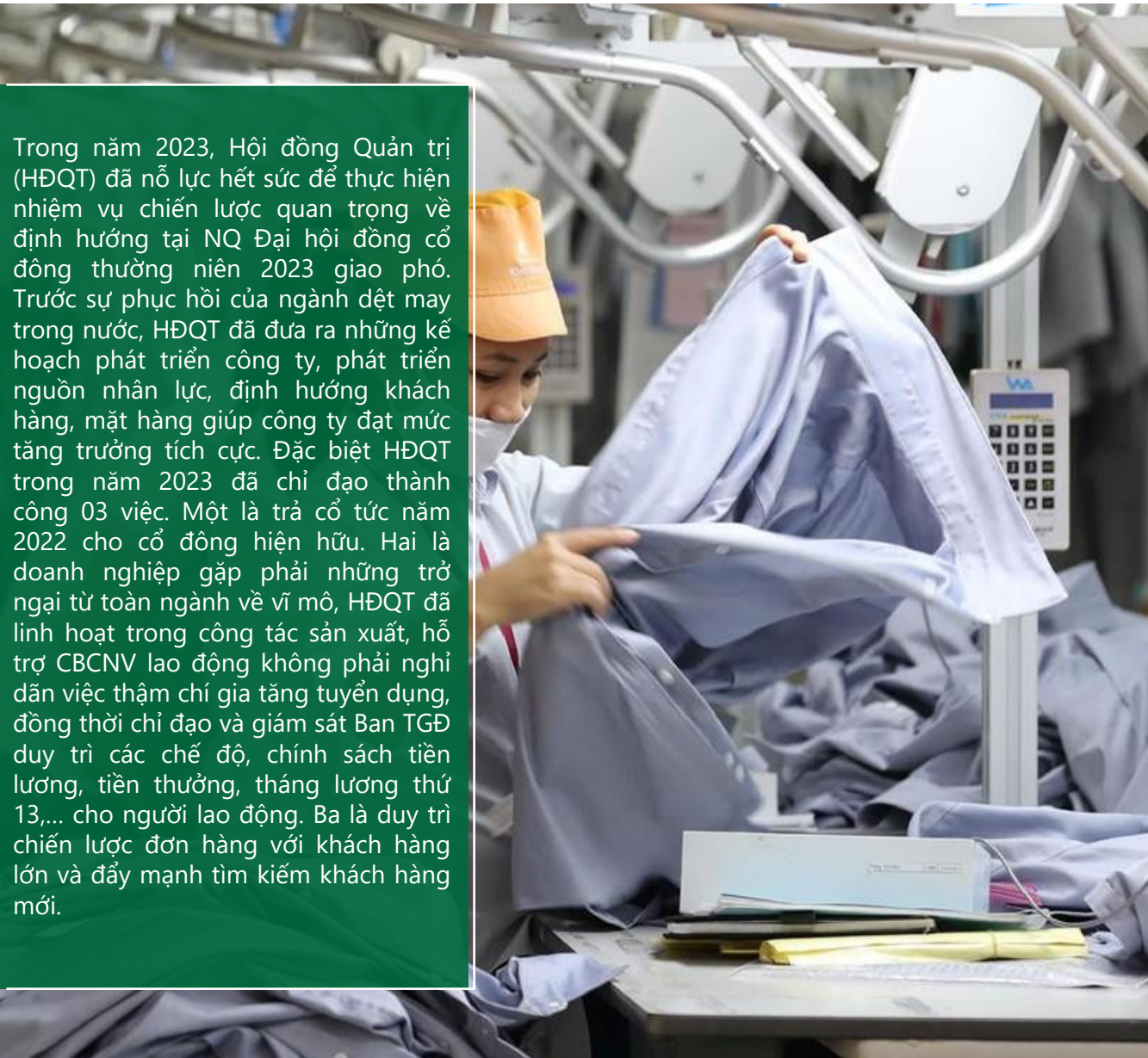
... VÀ VỚI TDT, ĐÂY CHÍNH LÀ THỜI ĐIỂM VÀNG ĐỂ BẮT ĐẦU QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI. Ở TDT HIỆN ĐÃ HỘI TỤ ĐẦY ĐỦ CÁC YẾU TỐ VỀ MẶT CON NGƯỜI, MÁY MÓC CÔNG NGHỆ, NGUỒN VỐN...



D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

D1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh TDT năm 2023	58
D2. Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra	58
D3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	59
D4. Hoạt động của HĐQT năm 2023	60
D5. Định hướng hoạt động năm 2024	62

D1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã nỗ lực hết sức để thực hiện nhiệm vụ chiến lược quan trọng về định hướng tại NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 giao phó. Trước sự phục hồi của ngành dệt may trong nước, HĐQT đã đưa ra những kế hoạch phát triển công ty, phát triển nguồn nhân lực, định hướng khách hàng, mặt hàng giúp công ty đạt mức tăng trưởng tích cực. Đặc biệt HĐQT trong năm 2023 đã chỉ đạo thành công 03 việc. Một là trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông hiện hữu. Hai là doanh nghiệp gặp phải những trở ngại từ toàn ngành về vĩ mô, HĐQT đã linh hoạt trong công tác sản xuất, hỗ trợ CBCNV lao động không phải nghỉ dẫn việc thậm chí gia tăng tuyển dụng, đồng thời chỉ đạo và giám sát Ban TGD duy trì các chế độ, chính sách tiền lương, tiền thưởng, tháng lương thứ 13,... cho người lao động. Ba là duy trì chiến lược đơn hàng với khách hàng lớn và đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới.

D2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐỀ RA

Trong năm 2023, Công ty đã đạt được những kết quả như sau:

Hoàn thành các nội dung tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2023 giao phó.

Thực hiện thành công trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

Định hướng đơn hàng và các chế độ chính sách tiền lương, phúc lợi cho CBCNV.

D3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- ✓ Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng giám đốc và những người điều hành khác đã cam kết;
- ✓ Yêu cầu Tổng giám đốc và các bộ phận thực thi luôn bám sát và báo cáo tình hình thực hiện, tiến độ triển khai các dự án, hạng mục công việc so với kế hoạch đã lập ra, và tiến độ triển khai các kế hoạch tiếp theo, cụ thể là tiến độ triển khai thực hiện dự án mở rộng nhà máy may TDT Thịnh Đức, TDT Diềm Thụy và TDT Đại Từ;
- ✓ Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng giám đốc và người điều hành khác hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao;
- ✓ Tích cực tham gia vào các buổi họp các buổi họp định kỳ khác của Ban Tổng giám đốc nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đánh giá chung

- ✓ Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban TGD trong việc thực hiện định hướng chiến lược của Công ty.
- ✓ Trong quá trình hoạt động, Ban TGD đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2022	TH 2023	KH 2023	TH 2023/ TH 2022	TH 2023/ KH 2023
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	404.63	486.98	540.44	20%	90%
LNTT	Tỷ đồng	20.78	15.86	31.72	-24%	50%
LNST	Tỷ đồng	18.57	12.98			
ROE	%	7.41%	4.95%			

D4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Danh sách của Ban giám đốc

Đầu năm 2023, số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT nhiệm kỳ 2018-2023 là 07 thành viên, trong đó có 04 thành viên Hội đồng quản trị điều hành và 03 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/TGĐ
3	Phạm Thái Hòa	Thành viên
4	Nguyễn Văn Bằng	Thành viên/Phó TGĐ
5	Dương Ngọc Hải	Thành viên độc lập
6	Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên độc lập
7	Phan Mạnh Hà	Thành viên độc lập

Về tổ chức các cuộc họp HĐQT

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI DỰ HỌP	TỶ LỆ THAM DỰ
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT	4	100%
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/TGĐ	4	100%
3	Phạm Thái Hòa	Thành viên/ KTT	4	100%
4	Nguyễn Văn Bằng	Thành viên/Phó TGĐ	4	100%
5	Dương Ngọc Hải	Thành viên độc lập	4	100%
6	Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên độc lập	4	100%
7	Phan Mạnh Hà	Thành viên độc lập	4	100%

D4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	9/3/2023	Nghị quyết về việc tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2023
2	02/2023/NQ-HĐQT	8/5/2023	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới Bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị mới
3	03/2023/NQ-HĐQT	16/10/2023	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền năm 2022.
4	04/2023/NQ-HĐQT	18/12/2023	Giao khoán kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 cho Ban Giám đốc công ty

D5. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ vào ngân sách thù lao mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đã phê duyệt, thu nhập (bao gồm lương, thưởng và thù lao) đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong năm 2023 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)	Ghi chú
1	Chu Thuyên	CT HĐQT	848.295.483	Thành viên điều hành
2	Nguyễn Việt Thắng	PCT HĐQT	561.977.814	Thành viên điều hành
3	Nguyễn Văn Bằng	TV HĐQT/ Phó TGĐ	432.727.776	Thành viên điều hành
4	Phạm Thái Hòa	TV HĐQT/ KTT	396.808.306	Thành viên điều hành
5	Dương Ngọc Hải	TV. HĐQT độc lập		TV. HĐQT độc lập
6	Đỗ Mạnh Hùng	TV. HĐQT độc lập		TV. HĐQT độc lập
7	Phan Mạnh Hà	TV. HĐQT độc lập		TV. HĐQT độc lập
Tổng cộng			2.239.809.379	TV. HĐQT độc lập

Mục tiêu và kế hoạch của năm 2024

Xây dựng Công ty Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững và minh bạch bằng việc sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi; nắm bắt kịp thời xu thế phát triển của thế giới nói chung và ngành may mặc nói riêng; đầu tư sâu vào máy móc thiết bị công nghệ cao, các mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Đồng thời, kiểm soát tối đa các rủi ro.

Trên cơ sở đó, Ban TGD đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2024 trình HĐQT như sau:

Chỉ tiêu	KH 2024	TH 2023	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	863.69	486.98	177%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	30.54	15.86	193%
Cổ tức (%)	5-10%	3-5%	

Các giải pháp thực hiện:

- ✓ Nâng cao trình độ quản trị, năng lực quản lý của HĐQT, Ban TGD và cán bộ công nhân viên.
- ✓ Sử dụng nguồn vốn của Công ty một cách hợp lý, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất.
- ✓ Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí
- ✓ Định hướng lựa chọn khách hàng, đối tác, mặt hàng phù hợp với năng lực của Công ty và mang lại hiệu quả cao nhất.
- ✓ Tiếp tục đầu tư sâu vào công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động.
- ✓ Xây dựng văn hóa, môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động; tiếp tục nâng cao thu nhập cho cán bộ quản lý và người lao động trong công ty.



E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

E1. Hội đồng quản trị	66
E2. Ban kiểm soát	66
E3. Tăng cường quản trị công ty	69

E1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 Các nghị quyết của HĐQT năm 2023

(Thông tin đã nêu ở phần D. Báo cáo của Hội đồng quản trị)

E2. BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông. Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã hợp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2023: Định kỳ hàng tháng, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động, sản xuất kinh doanh của chi nhánh, xí nghiệp và toàn Công ty. Sau kiểm soát, Ban kiểm soát đều có họp làm việc với Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đưa ra những tồn tại cần khắc phục trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, công tác quản lý tài chính của Công ty, qua đó góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao.

Trưởng ban kiểm soát được giao nhiệm vụ Phụ trách chung và kiểm soát các vấn đề như sau:

- ✓ Kiểm soát công tác xây dựng cơ bản của Công ty;
- ✓ Kiểm soát các hợp đồng kinh tế và chứng từ, thanh quyết toán thu, chi;
- ✓ Kiểm soát hồ sơ hoàn thuế của Công ty; Kiểm soát chặt chẽ tính hợp pháp, hợp lý của từng khoản mục chi phí, chứng từ trước khi đưa vào lưu trữ. Nếu phát hiện sai sót thì yêu cầu Lãnh đạo phụ trách, Kế toán trưởng giải trình và khắc phục; Kiểm tra Báo cáo quyết toán tài chính quý, năm của Công ty trước khi trình ĐHCĐ;
- ✓ Báo cáo công tác kiểm soát năm.

Đối với hoạt động của HĐQT

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã không ngừng nỗ lực đưa ra nhiều giải pháp để sản xuất kinh doanh phải có lãi.

HĐQT Công ty đã triển khai các quy chế cùng những kế hoạch sản xuất kinh doanh. Chú trọng vào việc lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cạnh tranh nhất, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về giá và chất lượng hàng hóa, dịch vụ.

Bên cạnh đó HĐQT cũng xử lý các hành vi vi phạm trật tự quản lý công ty và yêu cầu bồi thường trách nhiệm vật chất (nếu có) đối với những cá nhân không chấp hành quy định của công ty về mua bán hàng hóa, cá nhân có biểu hiện gian dối, không minh bạch, trục lợi cá nhân trong việc mua bán với khách hàng, nhà cung cấp.

Tổ chức giám sát Ban Tổng giám đốc điều hành, quan tâm tới công tác tổ chức cán bộ quản lý trong toàn Công ty và ban hành các Nghị quyết với các nội dung chủ yếu tập trung hoàn thiện năng cao các mặt quản lý điều hành phục vụ cho sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty.

HĐQT đã duy trì các cuộc họp thường kỳ hàng tháng, quý nhằm đảm bảo nắm rõ tình hình sản xuất kinh doanh của các Xí nghiệp để đưa ra các chính sách kịp thời giúp Ban điều hành có những định hướng hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

Đối với hoạt động của Ban Tổng giám đốc điều hành

Ban Tổng giám đốc điều hành đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động SXKD theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ theo quy định của Pháp luật và các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty,

Ban Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện tốt các nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể. Căn cứ hướng dẫn các quy định của Công ty ban hành, hàng ngày theo dõi hành vi, vi phạm nội quy, quy chế của cán bộ công nhân viên.

Ban Tổng giám đốc chỉ đạo công tác điều hành đã thực hiện các giải pháp về đơn hàng và tổ chức sản xuất phù hợp với phương án kỹ thuật, đẩy mạnh năng suất lao động của toàn công ty.

Hoạt động khác của BKS

- ✓ Thành viên BKS trong ban thẩm tra tư cách đại biểu ĐHCĐ 2023:
- ✓ Rà soát, kiểm tra chu trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2023 theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp năm 2020,

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI DỰ HỌP	TỶ LỆ THAM DỰ
1	Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng ban	4	100%
2	Đỗ Ngọc Tuyến	Ủy viên	4	100%
3	Phạm Thị Thu Hà	Ủy viên	4	100%

E2. BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Ban kiểm soát năm 2023

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng BKS	
2	Đỗ Ngọc Tuyến	Thành viên BKS	253,360,868
3	Nguyễn Thị Kim Thành	Thành viên BKS	100,770,701
4	Phạm Thị Thu Hà	Thành viên BKS	193,071,873

Đánh giá kết quả kinh doanh và tình hình tài chính năm 2023

Khoản mục	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	% Hoàn thành kế hoạch 2023
Doanh thu thuần	540.44	486.98	405.54	90.1%
Lợi nhuận trước thuế	31.72	15.86	20.78	50.0%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2023	Tăng trưởng
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	291.98	401.14	37%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	199.10	184.21	-7%
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	201.76	290.24	44%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	29.67	30.03	1%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	18.57	12.98	-30%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	259.65	265.08	2%

- ✓ Năm 2023, kết quả kinh doanh không đạt kế hoạch đề ra do ảnh hưởng bởi sự e ngại về việc kinh tế suy thoái, cộng thêm các bất ổn về địa chính trị trên thế giới gia tăng lạm phát khiến các khách hàng của công ty giảm đơn hàng khi nhu cầu mua sắm của người dân giảm mạnh.
- ✓ Đồng thời, lượng hàng tồn kho dệ may trên thế giới đặc biệt là thị trường Mỹ và thị trường EU đang ghi nhận ở mức đỉnh thời đại và được dự báo chưa có dấu hiệu giảm ngay trong 2023.

E2. BAN KIỂM SOÁT

Những kiến nghị của Ban kiểm soát về phương hướng năm 2023

Qua một năm ban kiểm soát hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và quy chế hoạt động của ban kiểm soát được đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội thường niên năm 2023. Ban kiểm soát đã thực hiện được một số nhiệm vụ trên, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện được những chỉ tiêu cơ bản mà Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên đã biểu quyết thông qua.

Để tăng lợi nhuận ngoài việc tăng năng suất lao động, doanh thu tăng, giảm chi phí, hội đồng quản trị, ban giám đốc cần chỉ đạo điều hành giảm một số chi phí nổi bật sau:

- ✓ Duy trì, giảm bớt chi phí tài chính trong năm 2023.
- ✓ Duy trì chi phí bán hàng ở mức ổn định.
- ✓ Tinh gọn chi phí quản lý doanh nghiệp, trong năm 2023, chi phí tài chính doanh nghiệp tăng mạnh song không tăng cùng mức tương đương với doanh thu. Do vậy dù biên lợi nhuận gộp đã được củng cố nhưng do chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính tăng nên lợi nhuận ròng chỉ duy trì ở mức tương đương năm 2021.

E3. TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phối hợp giữa Ban kiểm soát trong điều hành

- ✓ Việc phối hợp giữa Hội Đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu, góp phần để hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng hoàn thiện và đạt kết quả tốt.
- ✓ Tham gia hội đồng đàm phán hợp đồng với các khách hàng, nhà cung cấp, bàn giá theo hội đồng công khai.
- ✓ Trước khi ký kết hợp đồng hoặc mua, hoặc bán các hợp đồng khác, các cá nhân có thẩm quyền ký kết đều thông tin đến Ban kiểm soát để thẩm định về mặt pháp lý nhằm tránh các rủi ro về thành toán và phải có dấu xác nhận của Ban kiểm soát thì lãnh đạo công ty mới phê duyệt để thực hiện Hợp đồng.
- ✓ Ban lãnh đạo công ty căn cứ vào kết quả đánh giá nhà cung cấp của Ban kiểm soát để phê duyệt nhà cung cấp, từ đó ký kết hợp đồng với nhà cung cấp.
- ✓ Kiểm soát các báo cáo KQKD theo tháng, theo quý, nếu lỗi, ban kiểm soát sẽ kiểm tra, phân tích nguyên nhân lỗi, kế hoạch các tháng tiếp theo và đề xuất các khuyến nghị.



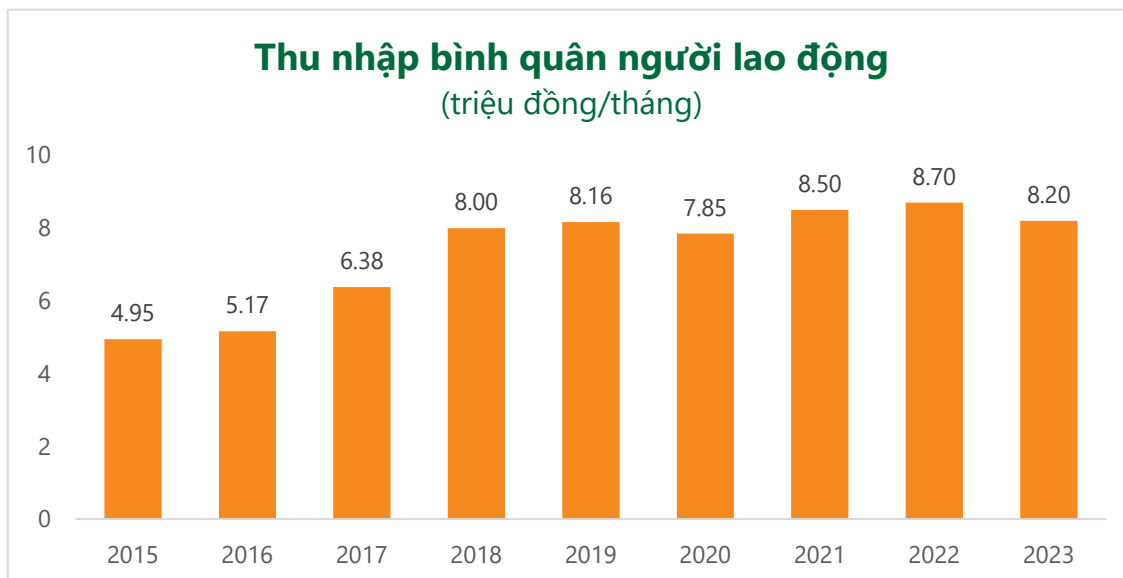
F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

F1. Chính sách người lao động	72
F2. Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	74

FI. CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với đặc thù của ngành may mặc xuất khẩu, chất lượng lao động có tác động lớn tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, TDT luôn chú trọng việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và nhân văn. Thực hiện các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm không ngừng nâng cao tay nghề, chuyên môn và kỹ năng của đội ngũ lao động.

Tiêu chí	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Thu nhập/ lương trung bình (triệu đồng/ người/ tháng)	4.95	5.17	6.38	8.00	8.16	7.85	8.50	8.70	8.20



Để thu hút và giữ chân người lao động có chất lượng cao gắn bó lâu dài với công ty, TDT đã và đang thực hiện chính sách lương, thưởng và phúc lợi phù hợp. Trong giai đoạn 2016-2023, mức lương trung bình của người lao động tăng dần qua các năm, dù năm 2023 vừa qua TDT đã trải qua giai đoạn khó khăn chung của toàn ngành nhưng vẫn tiếp tục duy trì chính sách để tạo động lực cho người lao động, công ty cũng xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp.

Trong năm 2023 công ty đã có nhiều hoạt động nhằm gia tăng quyền lợi cho người lao động. Triển khai các chương trình liên quan đến gia đình, và nhu cầu thiết yếu khi làm việc tại Công ty.

FI. CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Một số sự kiện dành cho người lao động được Công ty tiến hành tổ chức trong năm 2023

- ✓ Tổ chức và tặng quà cho Người lao động nhân dịp Tết Nguyên đán



Tết Nguyên đán 2024

- ✓ Sáng ngày 16/11/2023, Công đoàn Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT, đã tổ chức bàn giao Công trình "Lắp đặt hệ thống mái tôn che mưa, nắng" cho ngôi nhà của đồng chí Đoàn Thị Minh – Đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang công tác tại Tổ may 16 - Chi nhánh may TDT Đại Từ.



TDT – "Mái ấm Công đoàn"

F2. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Với định hướng phát triển bền vững trong tương lai, TDT không chỉ chú trọng lợi ích của Công ty mà còn quan tâm đến lợi ích của xã hội, đặc biệt là cộng đồng địa phương, nơi Công ty đặt nhà máy hoạt động. Ngành dệt may là ngành thâm dụng lao động nên TDT cũng như các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực luôn cần một lượng lớn lao động. Vì thế, Công ty đang góp phần tạo công ăn việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho một lượng lớn lao động trong khu vực. Bên cạnh đó, TDT cũng thực hiện các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác.

TẶNG 100 BÌNH CHỮA CHÁY CHO NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ

Ngày 11/01/2024, Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT, đã trao tặng 100 bình chữa cháy cho nhân dân huyện Đại Từ, nhằm chung tay cùng chính quyền địa phương các cấp, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về PCCC đến nhân dân; duy trì, nhân rộng các mô hình PCCC, điểm chữa cháy công cộng... Trang bị kiến thức, kỹ năng, phương tiện PCCC cho các gia đình trên địa bàn huyện.



Năm 2023, Công ty đã trao tặng 100 bình chữa cháy cho nhân dân huyện Đại Từ



G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

Số: 01.3/2024/CBTT-TDT

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2024

V/v: Công bố thông tin Báo cáo
tài chính kiểm toán năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Kính gửi:**
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Quý cổ đông

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Mã chứng khoán: TDT

Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02086 567 898

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Việt Thắng - Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT xin Công bố thông tin về Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính
- Giải trình lợi nhuận giảm so với cùng kỳ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT trân trọng công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Quý cổ đông Công ty để thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo quy định hiện hành.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: www.tdtgroup.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (đề b/c)
- Ban Tổng GD (đề b/c)
- Lưu TK, HĐQT.

Người được ủy quyền thực hiện
công bố thông tin



NGUYỄN VIỆT THẮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN TDTCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 03/2024/CBTT-TDT

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

- Mã chứng khoán: TDT
- Địa chỉ: Xóm Thuần pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0208 6567 898 Fax: 0208 3569 898
- Email: info@tdtgroup.vn Website: www.tdtgroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán năm 2023
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/03/2024 tại đường dẫn: www.tdtgroup.vn/Quan_hệ_cổ_đồng/công_bố_thông_tin/Báo_cáo_tài_chính.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

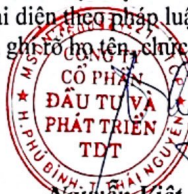
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán năm 2023
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Việt Thắng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD (AASCN)

Trụ sở chính: 54/3 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Chi nhánh phía Bắc: Phòng 1704 nhà 17T4 KĐT Trung Hòa, Nhân Chính, P. Trung Hòa, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội. Tel: (84-24) 3994 7969

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 46
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4600941221 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 12 (mười hai) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 10 năm 2022.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: Sản xuất hàng may mặc.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ giao dịch tại: Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Chu Thuỳên	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên
Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên
Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên độc lập
Ông Phan Mạnh Hà	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên độc lập

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thái Hoà	Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên Ban kiểm soát	
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	(Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2023)
Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Thành viên Ban kiểm soát	(Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – chi nhánh Phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Số: 40 /2024/BCKT/AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 08 tháng 03 năm 2023.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**

Giám đốc



Phạm Văn Cường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2922-2024-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		401.135.195.325	291.978.613.527
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	17.713.662.591	23.479.021.082
1.	Tiền	111		17.713.662.591	23.479.021.082
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.256.115.374	31.692.711.475
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	69.586.939.231	22.853.971.537
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.016.545.904	1.498.054.715
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	99.000.000	99.000.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	15.553.630.239	7.241.685.223
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	288.886.204.494	233.031.629.072
1.	Hàng tồn kho	141		288.929.089.553	233.074.514.131
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(42.885.059)	(42.885.059)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		7.279.212.866	3.775.251.898
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1.577.342.910	1.141.805.169
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.645.669.416	2.564.288.096
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	56.200.540	69.158.633

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		184.210.100.483	199.097.972.077
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		7.727.375.688	3.423.716.691
1.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	7.727.375.688	3.423.716.691
II.	Tài sản cố định	220		171.667.676.237	190.744.263.562
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	121.982.074.863	143.026.655.476
	- Nguyên giá	222		273.412.363.591	268.764.510.928
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(151.430.288.728)	(125.737.855.452)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	29.141.737.607	22.608.077.839
	- Nguyên giá	225		40.320.097.605	28.210.492.522
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(11.178.359.998)	(5.602.414.683)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20.543.863.767	25.109.530.247
	- Nguyên giá	228		24.337.225.152	28.084.712.052
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.793.361.385)	(2.975.181.805)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	1.157.422.480	1.543.473.208
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.157.422.480	1.543.473.208
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.657.626.078	3.386.518.616
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3.657.626.078	3.386.518.616
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		585.345.295.808	491.076.585.604

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		320.264.485.801	231.430.441.559
I.	Nợ ngắn hạn	310		290.235.846.740	201.756.147.075
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	27.811.329.627	11.919.578.519
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	740.550.055	6.480.378.215
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	2.766.336.393	2.319.141.575
4.	Phải trả người lao động	314		13.150.835.541	13.473.191.380
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	771.252.225	526.600.916
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.660.016.817	1.368.923.290
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	242.433.605.530	164.729.788.939
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		901.920.552	938.544.241
II.	II. Nợ dài hạn	330		30.028.639.061	29.674.294.484
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	30.028.639.061	29.674.294.484
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		265.080.810.007	259.646.144.045
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	265.080.810.007	259.646.144.045
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.965.340.000	238.965.340.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		238.965.340.000	238.965.340.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.115.470.007	20.680.804.045
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.140.417.534	2.109.488.487
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.975.052.473	18.571.315.558
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		585.345.295.808	491.076.585.604

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Miên



Phạm Thái Hòa



Nguyễn Việt Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	487.142.222.819	405.543.396.788
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	161.701.167	917.262.930
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		486.980.521.652	404.626.133.858
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	373.422.024.011	302.969.906.543
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113.558.497.641	101.656.227.315
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	6.613.177.685	7.397.589.014
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	27.131.457.848	16.744.749.840
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		16.518.507.017	9.981.990.498
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	12.286.660.022	11.669.327.679
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	63.795.431.708	61.468.947.990
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.958.125.748	19.170.790.820
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	823.073.553	1.926.927.901
12.	Chi phí khác	32	VI.07	1.921.788.546	313.125.346
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.098.714.993)	1.613.802.555
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.859.410.755	20.784.593.375
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.884.358.282	2.213.277.817
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.975.052.473	18.571.315.558
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	543	820
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	543	820

Người lập biểu



Nguyễn Thị Miên

Kế toán trưởng



Phạm Thái Hòa

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Việt Thăng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		15.859.410.755	20.784.593.375
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		32.681.676.312	24.842.188.166
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		9.660.757.992	5.060.405.904
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(57.768.838)	(13.833.939)
-	Chi phí lãi vay	06		16.518.507.017	9.981.990.498
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		74.662.583.238	60.655.344.004
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(59.228.183.532)	26.514.704.701
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(55.854.575.422)	(31.333.038.511)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		260.393.215	(8.515.350.097)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(706.645.203)	(1.374.842.893)
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(16.273.855.708)	(10.420.186.804)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.109.879.628)	(2.338.146.349)
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(408.050.000)	(564.750.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(60.658.213.040)	32.623.734.051
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(18.014.976.742)	(20.438.620.898)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.090.951.583	1.190.455.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(65.000.000)	(40.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		65.000.000	6.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.268.838	13.833.939
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(16.908.756.321)	(19.268.331.959)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		547.648.234.109	320.119.339.365
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(463.810.577.227)	(364.496.060.370)
3.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(5.779.495.714)	(3.740.839.518)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.168.960.200)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		70.889.200.968	(48.117.560.523)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.677.768.393)	(34.762.158.431)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		23.479.021.082	57.472.898.620
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		912.409.902	768.280.893
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		17.713.662.591	23.479.021.082

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Thị Miên

Phạm Thái Hòa

Nguyễn Việt Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Năm 2023**

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4600941221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 12 (mười hai) lần thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 10 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 238.965.340.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng.).

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật);
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (mỹ phẩm, đồ lưu niệm);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Giáo dục nghề nghiệp (Dạy nghề may công nghiệp);
- Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là:
Sản xuất hàng may mặc.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đặt tại xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.894 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.983 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

03. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 – 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 – 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất phân bổ theo thời hạn .trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm.

Trong năm 2011, Công ty có đầu tư dự án tại vùng kinh tế khó khăn (Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000095 của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11 tháng 10 năm 2011). Công ty xác định ưu đãi đầu tư theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 và Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 như sau:

Tại mục 4 điều 15, mục 3 điều 16 chương IV, của Nghị định 124/2008/NĐ-CP thuế suất ưu đãi 20 % trong vòng 10 năm, miễn thuế 02 năm, giảm 50 % số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Tại mục 2 điều 20, chương V của Nghị định 218/2013/NĐ-CP nêu rõ, tính đến hết kỳ tính thuế năm 2015 trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư đang được áp dụng thuế suất ưu đãi là 20% quy định tại khoản 3 điều 15 Nghị định này kể từ 01 tháng 01 năm 2016 được chuyển sang áp dụng thuế suất 17% cho thời gian còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019, Chi nhánh May TDT Đại Từ thành lập và đi vào hoạt động. Theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định quy định về thuế. Tại điều 6, chương 1 nêu rõ việc sửa đổi, bổ sung khoản 3, điều 20, Thông tư 78/2014/TT-BTC như sau: Miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các Công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	17.713.662.591	23.479.021.082
+ Tiền mặt	544.514.360	385.384.597
+ Tiền gửi ngân hàng	17.169.148.231	23.093.636.485
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	17.713.662.591	23.479.021.082

02. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>69.586.939.231</i>	<i>22.853.971.537</i>
- Asmara Internatinal Limited	732.379.442	3.162.552.720
- Pro Sports (HK) ., Ltd.	-	3.421.898.944
- Pan – Pacific Co., Ltd.	1.085.437.947	931.427.907
- Ptemier Exim (HK) ., Ltd.	2.007.556.484	1.950.364.711
- Cobest Hongkong Co., Ltd.	-	1.178.044.800
- Sea – A Tranding Co., Ltd.	-	2.730.348.712
- Teddy S.P.A	1.851.285.383	240.759.840
- Aurora Investments Global Limited	28.647.354.866	-
- Fu Yuan Internaional Holdings Pte,	5.564.675.440	-
- La Générale Pour L'enfant Major	5.722.760.494	-
- Luhta Sportswear (Suhzou) Co, Ltd	7.280.158.751	-
- Nts Holding Limited	5.096.802.058	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	11.598.528.366	9.238.573.903
<i>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	69.586.939.231	22.853.971.537

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	2.016.545.904	1.498.054.715
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghiệp Môi trường Quốc tế	328.320.000	-
- Công ty Cổ phần Trung Sơn Thái Nguyên	734.835.040	522.183.040
- Công ty TNHH Nội Thất quốc tế IRIS	-	180.832.000
- Công ty TNHH Cơ điện và PCCC Nam Dương Thái	299.730.251	299.730.251
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	653.660.613	495.309.424
Cộng	2.016.545.904	1.498.054.715

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>	99.000.000	-	99.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Long (i)	34.000.000	-	34.000.000	-
- Ông Bùi Huy Tùng (ii)	65.000.000	-	65.000.000	-
<i>b. Dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	99.000.000	-	99.000.000	-

(i) Hợp đồng cho vay tiền ông Nguyễn Văn Long số 01/TDT-NVL/2022 ngày 7/04/2022 và phụ lục gia hạn hợp đồng số 01 ngày 07/02/2023, số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 0%/năm, thời hạn vay từ ngày 07/02/2023 đến ngày 07/02/2024. Đây là khoản cho vay bằng hình thức tín chấp.

(ii) Hợp đồng cho vay tiền ông Bùi Huy Tùng số 01/BHT-TDT/2023 ngày 30/12/2023; số tiền 65.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 9 tháng từ ngày 30/12/2023 đến ngày 30/09/2024. Đây là khoản cho vay bằng hình thức tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thủy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngân hạn	15.553.630.239	-	7.241.685.223	-
- Tạm ứng	7.950.138.460	-	421.976.450	-
- Phải thu khác	6.187.200.000	-	6.465.424.272	-
+ Ông Nguyễn Chí Tinh (*)	487.200.000	-	487.200.000	-
+ Ông Nguyễn Quang Nạp (*)	2.400.000.000	-	2.400.000.000	-
+ Ông Phạm Ngọc Sơn (*)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
+ Ông Trần Hữu Huệ(*)	500.000.000	-	500.000.000	-
+ Ông Trần Xuân Lâm (*)	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV cho thuê TC NH TMCP Ngoại thương	497.006.640	-	278.224.272	-
- Phải trả khác	918.685.139	-	354.284.501	-
b. Dài hạn	7.727.375.688	-	3.423.716.691	-
- Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	2.877.825.220	-	2.604.690.401	-
- Phải thu khác	4.849.550.468	-	819.026.290	-
+ Công ty TNHH MTV cho thuê TC NH TMCP Ngoại thương	1.102.063.568	-	819.026.290	-
+ Phải thu ngắn sách nhà nước (**)	3.747.486.900	-	-	-
Cộng	23.281.005.927	-	10.665.401.914	-

(*) Theo Quyết định số 511/QĐ-TDT ngày 06/05/2022 về việc tạm phê duyệt dự án đầu tư mở rộng nhà máy TDT Đại từ (địa chỉ: Xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên). Công ty thực hiện ký kết và chuyển tiền đặt cọc cho các cá nhân thực hiện thu gom đất theo các Biên bản thỏa thuận kiểm giấy biên nhận tiền đặt cọc đất ngày 12/05/2022 và các biên bản giao hạn thời gian thỏa thuận về việc gia hạn thời gian thu gom đất mua đất ngày 10/04/2023.

(**) Là tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào số tiền thuế đất phải nộp để thực hiện dự án Nhà máy may TDT Đại Từ tại xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xã Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	26.501.886.997	-	16.424.751.477	-
- Công cụ, dụng cụ	80.237.471	-	124.453.073	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.873.424.658	-	9.226.026.447	-
- Thành phẩm	247.430.655.368	-	207.256.398.075	-
- Hàng hoá	42.885.059	(42.885.059)	42.885.059	(42.885.059)
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	288.929.089.553	(42.885.059)	233.074.514.131	(42.885.059)

07. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
- Cải tạo và mở rộng nhà xưởng	1.157.422.480	-	1.157.422.480	-
Cộng	1.157.422.480	-	1.157.422.480	-

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<i>Số dư đầu năm</i>	151.178.249.512	105.686.342.124	9.215.232.968	2.003.179.173	681.507.151	268.764.510.928
- Mua trong năm	1.496.812.224	4.088.590.073	170.000.000	536.020.090	-	6.291.422.387
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.643.569.724)	-	-	-	(1.643.569.724)
<i>Số dư cuối năm</i>	152.675.061.736	108.131.362.473	9.385.232.968	2.539.199.263	681.507.151	273.412.363.591
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	44.675.492.422	73.226.560.728	5.951.334.439	1.482.002.630	402.465.234	125.737.855.452
- Khấu hao trong năm	14.106.884.546	10.856.142.448	886.266.849	358.025.658	80.231.915	26.287.551.416
- Thanh lý, nhượng bán	-	(595.118.141)	-	-	-	(595.118.141)
<i>Số dư cuối năm</i>	58.782.376.968	83.487.585.035	6.837.601.288	1.840.028.288	482.697.149	151.430.288.728
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	106.502.757.090	32.459.781.396	3.263.898.529	521.176.543	279.041.917	143.026.655.476
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	93.892.684.768	24.643.777.438	2.547.631.680	699.170.975	198.810.002	121.982.074.863

Tại ngày 31/12/2023

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 115.905.285.106 đồng.
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 62.803.432.312 đồng.
- Tại ngày 31/12/2022
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 133.519.020.615 đồng.
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 48.644.494.928 đồng.

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	28.210.492.522	28.210.492.522
- Thuê tài chính trong năm	12.109.605.083	12.109.605.083
<i>Số dư cuối năm</i>	40.320.097.605	40.320.097.605
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	5.602.414.683	5.602.414.683
- Khấu hao trong năm	5.575.945.315	5.575.945.315
<i>Số dư cuối năm</i>	11.178.359.998	11.178.359.998
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
- Tại ngày đầu năm	22.608.077.839	22.608.077.839
- Tại ngày cuối năm	29.141.737.607	29.141.737.607

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
<i>Số dư đầu năm</i>	28.043.812.052	40.900.000	28.084.712.052
- Giảm khác	(3.747.486.900)	-	(3.747.486.900)
<i>Số dư cuối năm</i>	24.296.325.152	40.900.000	24.337.225.152
Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	2.960.866.805	14.315.000	2.975.181.805
- Khấu hao trong năm	809.999.580	8.180.000	818.179.580
<i>Số dư cuối năm</i>	3.770.866.385	22.495.000	3.793.361.385
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
- Tại ngày đầu năm	25.082.945.247	26.585.000	25.109.530.247
- Tại ngày cuối năm	20.525.458.767	18.405.000	20.543.863.767

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	9.709.985.100	9.709.985.100	-	-
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>10.320.051.389</i>	<i>10.320.051.389</i>	<i>1.600.000.000</i>	<i>9.720.051.389</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>2.200.000.000</i>
+ Vay cá nhân	10.320.051.389	10.320.051.389	1.600.000.000	9.720.051.389	2.200.000.000	2.200.000.000
a.2 Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	14.179.946.096	14.179.946.096	16.908.534.712	14.179.946.096	16.908.534.712	16.908.534.712
+ <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>9.500.000.000</i>	<i>9.500.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>9.500.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên (iv)	9.500.000.000	9.500.000.000	10.000.000.000	9.500.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
+ <i>Thuê tài chính đến hạn trả</i>	<i>4.679.946.096</i>	<i>4.679.946.096</i>	<i>6.908.534.712</i>	<i>4.679.946.096</i>	<i>6.908.534.712</i>	<i>6.908.534.712</i>
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (v)	4.679.946.096	4.679.946.096	6.908.534.712	4.679.946.096	6.908.534.712	6.908.534.712
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	29.674.294.484	29.674.294.484	18.912.428.907	18.558.084.330	30.028.639.061	30.028.639.061
b.1 Vay dài hạn	17.149.999.885	17.149.999.885	8.275.500.000	10.550.000.000	14.875.499.885	14.875.499.885
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>14.499.999.885</i>	<i>14.499.999.885</i>	-	<i>10.000.000.000</i>	<i>4.499.999.885</i>	<i>4.499.999.885</i>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên (iv)	14.499.999.885	14.499.999.885	-	10.000.000.000	4.499.999.885	4.499.999.885

Đơn vị tính: VND

12. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- <i>Vay đối tượng khác</i>	2.650.000.000	2.650.000.000	8.275.500.000	550.000.000	10.375.500.000	10.375.500.000
+ Vay cá nhân (vii)	2.650.000.000	2.650.000.000	8.275.500.000	550.000.000	10.375.500.000	10.375.500.000
Ông Nguyễn Văn Bằng	-	-	4.240.000.000	-	4.240.000.000	4.240.000.000
Ông Nguyễn Huy Hoàng	-	-	2.200.000.000	-	2.200.000.000	2.200.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	2.650.000.000	2.650.000.000	1.835.500.000	550.000.000	3.935.500.000	3.935.500.000
b.2 Thuê tài chính dài hạn	12.524.294.599	12.524.294.599	10.636.928.907	6.908.534.712	15.153.139.176	15.153.139.176
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (v)	12.524.294.599	12.524.294.599	10.636.928.907	8.008.084.330	15.153.139.176	15.153.139.176
Cộng	194.404.083.423	194.404.083.423	564.556.768.821	486.498.607.653	272.462.244.591	272.462.244.591

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/4642906/HĐTD ngày 18/09/2023. Theo đó, hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc ngoại tệ. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay từ 06 đến 6,3%. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Biện pháp bảo đảm được thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng gồm:
 + 6 hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là các máy móc thiết bị của Công ty;
 + 2 hợp đồng thế chấp tài sản từ các cá nhân với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên là quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 973971 và Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BG053291.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HDCVHM/NHCT220-TDT ngày 19/12/2023. Hạn mức cho vay theo hợp đồng là 150.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc USD. Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 19/12/2023 đến hết ngày 15/12/2024, lãi suất vay từ 5,5 đến 5,7%. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng may mặc. Biện pháp bảo đảm được thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng gồm:

+ 20 hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là các máy móc thiết bị của Công ty;

+ 5 hợp đồng thế chấp tài sản từ các cá nhân với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên là quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải, cụ thể: Giấy Chứng nhận đất số AD 653011, Giấy Chứng nhận đất số BG 053059, Giấy Chứng nhận đất số H00065, Xe ô tô con Mazda CX5 BKS 20A-296.69 và Xe ô tô con MERCEDES-BENZ BKS 20A-608.66.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-8613-01 ngày 05/12/2023. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc USD. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày ký kết hợp đồng, thời hạn và lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất trong năm 2023 là 5,1%. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và gia công hàng may mặc. Biện pháp bảo đảm được quy định theo các Hợp đồng bảo đảm được ký trước, trong và sau ngày của Hợp đồng gồm:

1. Ký quỹ: Mỗi lần đề nghị phát hành L/C, Khách Hàng sẽ ký quỹ một khoản tiền theo yêu cầu của VPBank. Tỷ lệ ký quỹ và các vấn đề liên quan đến ký quỹ sẽ được các bên thỏa thuận trong. Đề nghị phát hành L/C.

2. Các biện pháp bảo đảm khác:

a) Thế chấp bằng

- 01 xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: INNOVA, biển kiểm soát: 20A-317.76

- 01 xe ô tô nhãn hiệu: COUNTY LIMOUSINE, số loại: NGT, biển kiểm soát: 20B-021.83

theo Hợp đồng thế chấp số CLC-8613-8897033-HDTC-01 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

b) Thế chấp bằng Quyền đòi nợ theo Hợp đồng xuất khẩu số: SM-TDT-01 ngày 01/08/2023 ký giữa Khách hàng và LA Générale Pour L'Enfant Major và Annexe 01 ngày 01/08/202 kèm theo LC số 7001ILC2301680BT do BANQUE POPULAIRE RIVES DE PARIS (Pháp) phát hành ngày 29/08/2023 thông báo qua VPBank; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 29092023-8897033-01-SME/HDTC/QDN ký ngày 04/10/2023 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 29092023-8897033-01-SME/HDTC/HANGHOA ký ngày 04/10/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Thế chấp bằng Quyền đòi nợ theo Hợp đồng xuất khẩu số: LS22305237 ngày 05/09/2023 ký giữa Khách hàng và Luhta Sportswear (Suzhou) Co.,Ltd và LC số LC1802523000130 do BANK OF CHINA phát hành ngày 27/09/2023 thông báo qua VPBank; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 071123-8897033-01-SME/HDTC/QDN ký ngày 15/11/2023 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 071123-8897033-01-SME/HDTC/HANGHOA ký ngày 15/11/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

d) Thế chấp bằng Quyền đòi nợ theo Hợp đồng xuất khẩu số: 191028-170611-15740712 ngày 28/10/2019 ký giữa Bên thế chấp và TEDDY S.P.A; Purchase order authorization (POA) số 19722 ngày 12/09/2023 và LC số 41101465617 do UNICREDIT SPA phát hành ngày 28/09/2023 thông báo qua VPBank; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 071123-8897033-02-SME/HDTC/QDN ký ngày 15/11/2023 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 071123-8897033-02-SME/HDTC/HANGHOA và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thủy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

- e) Thế chấp bằng quyền đòi nợ từ Hợp đồng xuất khẩu có phương thức thanh toán LC. Giá trị đảm bảo tối đa không quá 30 tỷ đồng.
- f) Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác được thỏa thuận giữa VPBank với Khách Hàng và/hoặc bên thứ ba (nếu có) theo các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên (nếu có).
- (v) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/4642906/HĐTD ngày 05/08/2019. Theo đó, số tiền vay là 46.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cho vay là 72 tháng, lãi suất 10%/năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên sau đó sẽ được điều chỉnh phù hợp với quy định của BIDV từng thời kỳ. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy Đại Từ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy may TDT Đại Từ.
- (v) Vay Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam gồm những hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.20.06/CTTC ngày 9 tháng 10 năm 2020. Tài sản thuê tài chính bao gồm Máy trái vải tự động hiệu Kawakami NK.300CSI, Chân và bàn máy trái vải loại có thời hạn với phụ kiện đồng bộ, chân và bàn để di chuyển máy trái vải. Số tiền thuê: 89.841,6 USD. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 37.785,60 USD.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.01/CTTC ngày 11 tháng 01 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus loại máy vắt số 3 kim 6 chỉ, bộ máy may công nghiệp Pegasus, máy trần dè xen trái, để trụ. Số tiền thuê: 3.060.277,280 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 1.492.746,279 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.03/CTTC ngày 26 tháng 04 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus, máy trần dè để băng 3 kim 5 chỉ. Số tiền thuê: 1.698.861.472 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 913.615.506 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.04/CTTC ngày 20 tháng 05 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy trần dè Siruba. Số tiền thuê: 775.139.200 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 429.773.515 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.05/CTTC ngày 12 tháng 04 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy trái vải tự động Kawakami. Số tiền thuê: 89.050 USD. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 46.385,60 USD.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.11/CTTC ngày 09 tháng 12 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm 10 máy may công nghiệp lập trình trần bông điện tử. Số tiền thuê: 853.031.667 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 552.941.383 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.12/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh loại máy vắt số 2 kim 4 chỉ. Số tiền thuê: 765.172.100 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 491.944.721 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.13/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm bộ máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh loại máy trần dè để băng 3 kim 5 chỉ, bộ máy may công nghiệp Pegasus, máy trần dè xen trái, để trụ 3 kim 5 chỉ. Số tiền thuê: 1.585.329.823 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 1.019.521.590 đồng.

12. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.14/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Hợp đồng cho thuê tài chính sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 28 tháng 01 năm 2022. Tài sản tài chính bao gồm bộ máy công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh loại máy trần để bề bẳng 3 kim 5 chi, bộ máy may công nghiệp Pegasus, máy trần để xen trái để trụ 3 kim 5 chi và bộ máy may công nghiệp Pegasus hoàn chỉnh loại máy vát số 2 kim 4 chi. Số tiền thuê: 4.890.771.600 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 3.392.766.689 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.15/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Hợp đồng cho thuê tài chính sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 28 tháng 01 năm 2022. Tài sản tài chính bao gồm máy công nghiệp trần để đầu nhỏ Siruba, máy may công nghiệp 23 kim Siruba, máy may công nghiệp vát số 4 chi Siruba, máy đi bộ điện từ Juki, máy thùa khuy bằng Brother. Số tiền thuê: 1.436.550.000 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 996.546.021 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.16/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm máy may công nghiệp vát số nhỏ Siruba, máy may công nghiệp trần để đầu nhỏ Siruba, máy may công nghiệp trần để đầu nhỏ Siruba. Số tiền thuê: 823.823.000 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 529.933.976 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 106.21.17/CTTC ngày 22 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm máy vát số 4 chi Siruba. Số tiền thuê: 215.985.000 đồng. Thời hạn thuê 60 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 138.899.406 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.22.06/CTTC ngày 10 tháng 11 năm 2022. Tài sản tài chính bao gồm máy công nghiệp 1 kim điện từ, cắt chỉ năng chân vịt tự động Hikari. Số tiền thuê: 899.983.980 đồng. Thời hạn thuê 36 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 640.076.113 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.22.04/CTTC ngày 27 tháng 06 năm 2022. Tài sản tài chính bao gồm máy trải vải tự động Kawakami. Số tiền thuê: 52.224 USD. Thời hạn thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 35.686,40 USD.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.03/CTTC ngày 24 tháng 04 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 45 Máy may CN, 1 kim điện từ, cắt chỉ năng chân vịt tự động: Hikari H93S-7D-5/AK. Số tiền thuê 402.280.193 đồng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 353.683.953 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.02/CTTC ngày 15 tháng 05 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 1 bộ Máy trải vải tự động KM, 13 tấm Bàn cắt có thời khí dài 15,6m và 15,6m Linh kiện phụ trợ lắp cho 1 bàn cắt dài 15,6m. Số tiền thuê: 509.040.400 đồng. Thời hạn thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 447.547.246 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.05/CTTC ngày 15 tháng 05 năm 2023. Tài sản chính bao gồm 08 Máy may công nghiệp lập trình trần bông điện từ, Model: GC90-130A-D, hiệu CHNKI. Số tiền thuê: 891.943.360 đồng. Thời hạn thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 784.194.724 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.06/CTTC ngày 15 tháng 05 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 02 Máy cắt tự động model FA-P90-2 Hãng sản xuất: Emarker và 02 Bộ đi động 2 điểm dừng (10m). Số tiền thuê: 1.363.725.000 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 3.197.290.927 đồng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.09/CTTC ngày 03 tháng 07 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 03 máy định cúc và 03 bộ cấp cúc tự động. Số tiền thuê: 248.339.190 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 229.748.095 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.08/CTTC ngày 03 tháng 07 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm Máy cắt vải tự động dùng cho may công nghiệp Bullmer Model: D8003; Dây chuyền nối hơi tiết kiệm điện Bao gồm, 9 bộ nối hơi 5KW (Model: T750A) và 3 bộ nối hơi 9KW (Model: T790A). Số tiền thuế: 1.936.110.000 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 1.831.224.628 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.10/CTTC ngày 03 tháng 07 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 60 Bộ máy may công nghiệp. Số tiền thuế: 508.530.900 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 481.103.612 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.12/CTTC ngày 06 tháng 09 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm 20 Máy may công nghiệp lắp trình trần bóng điện từ Nhân hiệu CHNKI, xuất xứ Trung Quốc Model: GC90-130A-D, điện áp 220V/50Hz. Số tiền thuế: 1.071.083.520 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 2.128.327.201 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 131.23.13/CTTC ngày 03 tháng 10 năm 2023. Tài sản tài chính bao gồm Máy cuộn vải bằng viên tự động và Máy cắt bằng viên tự động. Số tiền thuế: 276.480.000 đồng. Thời gian thuê 48 tháng. Biên độ thay đổi lãi suất: 3,10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 271.875.030 đồng.
- (vi) Vay cá nhân ngắn hạn đều là hợp đồng vay tín chấp, thời hạn vay từ 12 tháng trở xuống, lãi suất 10%/năm.
- (vii) Vay cá nhân dài hạn đều là hợp đồng vay tín chấp, thời hạn vay trên 12 tháng, lãi suất 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	27.811.329.627	27.811.329.627	11.919.578.519	11.919.578.519
- Công ty TNHH Máy may Giang Thành	262.967.400	262.967.400	301.314.200	301.314.200
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Hùng	992.800.208	992.800.208	664.800.208	664.800.208
- Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Phong	1.480.655.145	1.480.655.145	368.209.483	368.209.483
- Công ty TNHH Bao Bì Hoa Nam	110.935.750	110.935.750	216.791.061	216.791.061
- Công ty TNHH HI-Tech J&B Việt Nam	-	-	1.019.920.768	1.019.920.768
- Công ty TNHH Thời trang Mika	-	-	1.530.581.700	1.530.581.700
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sơn Hà	6.230.884.057	6.230.884.057	1.154.757.600	1.154.757.600
- Jiangsu H.F. Textiles Co., Ltd	1.362.920.761	1.362.920.761	-	-
- Wujiang Ruijia Textile Co., Ltd	1.627.130.203	1.627.130.203	-	-
- Công ty TNHH thiết bị bách khoa Hà Nội	1.268.184.250	1.268.184.250	561.364.147	561.364.147
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	14.474.851.853	14.474.851.853	6.101.839.352	6.101.839.352
Cộng	27.811.329.627	27.811.329.627	11.919.578.519	11.919.578.519

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Người mua trả tiền trước		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>740.550.055</i>	<i>6.480.378.215</i>
- Songjin Company	-	9.467.976
- Sunjin Fashion International Company Limite	-	427.332.189
- Yakjin Trading Corporation	34.331.003	6.043.578.050
- Sae - A Traning Co.,Ltd	402.623.275	-
- Touchpoint Oy	303.595.777	-
<i>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>740.550.055</u>	<u>6.480.378.215</u>
15. Chi phí phải trả		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>771.252.225</i>	<i>526.600.916</i>
- Chi phí lãi vay phải trả	771.252.225	526.600.916
<i>b. Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>771.252.225</u>	<u>526.600.916</u>
16. Các khoản phải trả, phải nộp khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>1.660.016.817</i>	<i>1.368.923.290</i>
- Kinh phí công đoàn	1.182.670.655	908.599.656
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	477.346.162	460.323.634
<i>b. Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>1.660.016.817</u>	<u>1.368.923.290</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số tiền phải thu	Số tiền phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số tiền phải thu	Số tiền phải nộp
17. Thuế và các khoản phải thu phải nộp Nhà nước						
- Thuế GTGT đầu ra	-	98.956.651	3.570.713.618	3.669.670.269	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	168.644.095	168.644.095	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	168.519.791	168.519.791	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.136.506.924	3.136.069.959	3.109.879.628	-	2.172.826.297
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	837.442.696	600.500.821	-	236.941.875
- Thuế tài nguyên	31.802.000	-	585.026.000	581.407.000	28.183.000	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	37.356.633	-	9.339.093	-	28.017.540	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	272.055.000	272.055.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	83.678.000	1.272.609.674	999.719.453	-	356.568.221
Cộng	69.158.633	2.319.141.575	10.030.548.968	9.570.396.057	56.200.540	2.766.336.393

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	213.367.320.000	28.083.876.405	241.451.196.405
Tăng vốn trong năm trước	25.598.020.000	-	25.598.020.000
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	18.571.315.558	18.571.315.558
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(25.974.387.918)	(25.974.387.918)
Số dư cuối năm trước	238.965.340.000	20.680.804.045	259.646.144.045
Số dư đầu năm nay	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	-	12.975.052.473	12.975.052.473
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	(7.540.386.511)	(7.540.386.511)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	26.115.470.007	26.115.470.007
Số dư cuối kỳ	238.965.340.000	26.115.470.007	265.080.810.007

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCD thường niên 2023 ngày 28 tháng 04 năm 2023 phân phối lợi nhuận năm 2022

Năm nay
371.426.311
7.168.960.200
7.540.386.511

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi
 - Cổ tức lợi nhuận được chia
Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
- Vốn góp của các đối tượng khác	238.965.340.000	100%	238.965.340.000	100%
+ Ông Chu Thuýn	37.217.200.000	16%	37.217.200.000	16%
+ Ông Nguyễn Việt Thắng	15.394.400.000	6%	15.394.400.000	6%
+ Các đối tượng khác	186.353.740.000	78%	186.353.740.000	78%
Cộng	238.965.340.000	100%	238.965.340.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	238.965.340.000	213.367.320.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	25.598.020.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	238.965.340.000	238.965.340.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.168.960.200	25.974.387.918

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.896.534	23.896.534
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.896.534	23.896.534
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.896.534	23.896.534
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.896.534	23.896.534
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.896.534	23.896.534

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/ cổ phần

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	683.026,78	891.829,05
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	580.412,37	454.922,16
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	31.562,08	349.698,14
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1.556,22	1.622,22
+ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	896,72	49.691,50
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.366,36	1.399,57
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.000,00	30.000,00
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	66.233,03	4.495,46

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng	255.259.685.871	117.529.105.957
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	231.882.536.948	288.014.290.831
Cộng	<u>487.142.222.819</u>	<u>405.543.396.788</u>
02. Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	161.701.167	917.262.930
Cộng	<u>161.701.167</u>	<u>917.262.930</u>
03. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn bán hàng	208.438.428.474	95.226.215.957
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	164.983.595.537	207.743.690.586
Cộng	<u>373.422.024.011</u>	<u>302.969.906.543</u>
04. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.268.838	13.833.939
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.597.908.847	7.383.755.075
Cộng	<u>6.613.177.685</u>	<u>7.397.589.014</u>
05. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	16.518.507.017	9.981.990.498
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	952.192.839	1.735.823.908
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.660.757.992	5.026.935.434
Cộng	<u>27.131.457.848</u>	<u>16.744.749.840</u>
06. Thu nhập khác		
- Lãi từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ	42.500.000	-
- Thu từ bán phế liệu	21.008.000	28.681.000
- Thu từ phí sửa hàng	282.958.223	471.634.769
- Chi phí chuyển giao, xuất nhập khẩu	149.824.450	-
- Các khoản khác	326.782.880	1.426.612.132
Cộng	<u>823.073.553</u>	<u>1.926.927.901</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
07. Chi phí khác		
- Chi phí sửa hàng	-	33.743.809
- Các khoản bị phạt	709.581.745	84.396.324
- Các khoản khác	1.212.206.801	194.985.213
Cộng	1.921.788.546	313.125.346
08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	63.795.431.708	61.468.947.990
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.124.312	629.863.374
- Chi phí nhân công	46.268.651.166	51.149.253.027
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.634.724	70.578.241
- Thuế, phí và lệ phí	1.077.459.777	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.096.814.468	6.171.897.946
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.246.747.261	3.447.355.402
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	12.286.660.022	11.669.327.679
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.274.988.729	11.669.327.679
- Chi phí khác bằng tiền	11.671.293	-
Cộng	76.082.091.730	73.138.275.669
09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	2.172.826.297	2.213.277.817
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	711.531.985	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.884.358.282	2.213.277.817
(*) Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập hiện hành		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.859.410.755	20.784.593.375
Các khoản điều chỉnh tăng	2.143.643.142	652.281.489
+ <i>Lỗ do đánh giá lại tỷ giá các khoản tiền và phải thu cuối năm</i>	-	323.077.002
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	2.143.643.142	329.204.487
Các khoản điều chỉnh giảm	1.018.394.287	935.624.659
+ <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tỷ giá</i>	1.018.394.287	935.624.659
Thu nhập tính thuế TNDN	16.984.659.610	20.501.250.205
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi thuế suất 17%	-	13.019.281.279
- Thu nhập chịu thuế	10.864.131.483	-
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi thuế miễn thuế	6.120.528.128	7.481.968.926
Thuế suất thuế TNDN	20%	17%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	2.172.826.297	2.213.277.817

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	12.975.052.473	18.571.315.558
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.975.052.473	18.571.315.558
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	371.426.311
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.896.534	22.189.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>543</u>	<u>820</u>

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	12.975.052.473	18.571.315.558
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.975.052.473	18.571.315.558
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	371.426.311
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.896.534	22.189.999
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>543</u>	<u>820</u>

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	164.920.686.468	92.638.744.169
- Chi phí nhân công	214.708.606.659	217.756.112.455
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.681.676.312	24.842.188.166
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.128.768.712	14.303.957.862
- Chi phí khác bằng tiền	4.510.341.169	4.627.248.658
Cộng	<u>455.950.079.320</u>	<u>354.168.251.310</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng, Ban kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

a) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thu nhập của Ban Lãnh đạo	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Chu Thuýn	Chủ tịch HĐQT	848.295.483	1.210.407.708
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	561.977.814	813.499.327
Ông Nguyễn Văn Bằng	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	432.727.776	505.141.813
Ông Phạm Thái Hòa	TV HĐQT - Kế toán trưởng	396.808.306	582.705.913
Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập	-	75.000.000
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	-	75.000.000
Ông Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập	-	75.000.000
Ông Đặng Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	414.256.876	97.307.619
Bà Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng Ban kiểm soát	-	90.000.000
Ông Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên Ban kiểm soát	253.360.868	357.297.323
Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Thành viên Ban kiểm soát	100.770.701	250.204.414
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	193.071.873	
Cộng		3.201.269.697	4.131.564.117

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thủy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b) Vay các bên liên quan

Vay các bên liên quan	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Lãi suất	Tăng	Giảm	Giá trị	Lãi suất
Nguyễn Huy Hoàng	3.950.000.000	10%	2.200.000.000	3.950.000.000	2.200.000.000	10%
Nguyễn Văn Bằng	3.804.651.389	10%	4.240.000.000	3.804.651.389	4.240.000.000	10%
Lê Thị Hồng Thắm	200.000.000	10%	-	200.000.000	-	10%
Lê Thị Hiền	550.000.000	10%	605.000.000	550.000.000	605.000.000	10%
Bùi Thị Dậu	1.000.000.000	10%	-	-	1.000.000.000	10%
Cộng	9.504.651.389		7.045.000.000	8.504.651.389	8.045.000.000	

Các chi phí hoạt động tài chính

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay
Nguyễn Huy Hoàng	Cổ đông	Lãi vay	VND 236.291.666
Nguyễn Văn Bằng	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc	Lãi vay	350.873.406
Lê Thị Hồng Thắm	Trưởng ban Kiểm soát	Lãi vay	34.166.667
Lê Thị Hiền	Người thân của Người quản lý chủ chốt	Lãi vay	50.722.222
Bùi Thị Dậu	Người thân của người quản lý chủ chốt	Lãi vay	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Thông tin về bộ phận

Theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài.

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Nội địa
- Xuất khẩu

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Xuất khẩu		Nội địa		Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	450.681.336.243		36.460.886.576		487.142.222.819
- Các khoản giảm trừ doanh thu	161.701.167		-		161.701.167
- Giá vốn hàng bán	346.349.506.539		27.072.517.472		373.422.024.011
- Lợi nhuận gộp	104.170.128.537		9.388.369.104		113.558.497.641
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	365.189.863.110		40.353.533.678		405.543.396.788
- Các khoản giảm trừ doanh thu	917.262.930		-		917.262.930
- Giá vốn hàng bán	281.739.697.494		21.230.209.049		302.969.906.543
- Lợi nhuận gộp	82.532.902.686		19.123.324.629		101.656.227.315

Đơn vị tính: VND

Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau

- Lĩnh vực 1: Hoạt động gia công
- Lĩnh vực 2: Hoạt động sản xuất thành phẩm

	Hoạt động gia công	Hoạt động sản xuất thành phẩm	Cộng
Năm 2023			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	231.882.536.948	255.259.685.871	487.142.222.819
- Các khoản giảm trừ doanh thu	161.701.167	161.701.167	323.402.334
- Giá vốn hàng bán	164.983.595.537	208.438.428.474	373.422.024.011
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	66.737.240.244	46.821.257.397	113.558.497.641
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn			18.014.976.742
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			36.339.302.390
Tổng tài sản			585.345.295.808
Tổng nợ phải trả			320.254.356.759
Năm 2022			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	288.014.290.831	117.529.105.957	405.543.396.788
- Các khoản giảm trừ doanh thu	826.528.980	90.733.950	917.262.930
- Giá vốn hàng bán	207.743.690.586	95.226.215.957	302.969.906.543
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	79.444.071.265	22.212.156.050	101.656.227.315
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn			20.438.620.898
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			26.636.199.492
Tổng tài sản			491.076.585.604
Tổng nợ phải trả			231.430.441.559

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.713.662.591	-	17.713.662.591	23.479.021.082
Phải thu về cho vay	99.000.000	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.440.311.270	-	(*)	(*)
Cộng	98.252.973.861	-	17.713.662.591	23.479.021.082

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	27.811.329.627	11.919.578.519	(*)	(*)
Vay và nợ	272.462.244.591	194.404.083.423	(*)	(*)
Chi phí phải trả	771.252.225	526.600.916	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	477.346.162	460.323.634	(*)	(*)
Cộng	301.522.172.605	207.310.586.492	(*)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
 Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	27.811.329.627	-	-	27.811.329.627
Vay và nợ	242.433.605.530	30.028.639.061	-	272.462.244.591
Chi phí phải trả	771.252.225	-	-	771.252.225
Các khoản phải trả khác	477.346.162	-	-	477.346.162
Cộng	271.493.533.544	30.028.639.061	-	301.522.172.605

Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	11.919.578.519	-	-	11.919.578.519
Vay và nợ	164.729.788.939	29.674.294.484	-	194.404.083.423
Chi phí phải trả	526.600.916	-	-	526.600.916
Các khoản phải trả khác	460.323.634	-	-	460.323.634
Cộng	177.636.292.008	29.674.294.484	-	207.310.586.492

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Trình bày phân tích độ nhạy của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu. Ví dụ:

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam. Trong đó, Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	837	820
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	837	820

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Miên

Phạm Thái Hòa

Nguyễn Việt Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 43 /2024/CV-TDT

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 03 năm 2024

"V/v: Giải trình lợi nhuận năm 2023
giảm so với cùng kỳ"

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giữa các quý của kỳ công bố so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10 % trở lên hoặc kết quả kinh doanh bị lỗ.

Về vấn đề này, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT (TDT) xin được giải trình biến động của lợi nhuận sau thuế năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 trong báo cáo tài chính Công ty như sau:

1. Bảng so sánh doanh thu, lợi nhuận năm 2023 với năm 2022

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Thay đổi (%)
Doanh thu	487.142.222.819	405.543.396.788	120%
Doanh thu tài chính	6.613.177.685	7.397.589.014	(11%)
Chi phí tài chính	27.131.457.848	16.744.749.840	162 %
Chi phí bán hàng	12.286.660.022	11.669.327.679	105%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.795.431.708	61.468.947.990	104%
Thu nhập khác	823.073.553	1.926.927.901	(57%)
Chi phí khác	1.921.788.546	313.125.346	614%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.975.052.473	18.571.315.558	(30%)

So với năm 2022 thì lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT (TDT) giảm 30%.

2. Nguyên nhân:

- Chi phí tài chính năm 2023 so với cùng năm 2022 tăng 162% do lãi suất ngân hàng tăng cao.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 tăng 104% .

- Chi phí khác năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 tăng 614% do chi phí thuế TNDN kê khai thiếu được hạch toán trong kỳ kế toán.

- Do các đơn hàng đã sản xuất xong chưa chuyển giao cho khách hàng nên công ty chưa ghi nhận doanh thu trong kỳ sẽ ghi nhận Doanh thu trong quý 1, quý 2 năm 2024; các chi phí đầu vào và cho người lao động vẫn được duy trì thanh toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng.

Nơi nhận:

-Như kính gửi

- Lưu VT

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT
Lưu Huyền

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH HĐQT
Chu Thuyên